

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2026

**XÂY DỰNG HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM VỮNG MẠNH;  
PHÁT HUY VAI TRÒ NÔNG DÂN LÀ CHỦ THỂ, LÀ TRUNG TÂM  
TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, KINH TẾ NÔNG THÔN  
VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI; KHƠI DẬY KHÁT VỌNG  
PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC GIÀU MẠNH, PHỒN VINH, VĂN MINH,  
HẠNH PHÚC TRONG KỶ NGUYÊN MỚI**

*(Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khoá VIII  
tại Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IX)*

Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IX, nhiệm kỳ 2026-2031 diễn ra trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên mới. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và các Nghị quyết của Bộ Chính trị. Các cấp Hội Nông dân và giai cấp nông dân Việt Nam đang nỗ lực thực hiện các Nghị quyết của Đảng, của Bộ Chính trị<sup>1</sup>, nhất là Nghị quyết 46-NQ/TW ngày 20/12/2023; thực hiện Nghị quyết 69/NQ-CP ngày 11/5/2024 của Chính phủ, Quyết định 182/QĐ-TTg ngày 20/02/2024, Quyết định 517/QĐ-TTg ngày 05/3/2025, Quyết định 1081/QĐ-TTg ngày 05/6/2025, Quyết định 110/QĐ-TTg ngày 16/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ<sup>2</sup>, Nghị quyết Đại hội VIII Hội Nông dân Việt Nam, nhiệm kỳ 2023 - 2028 và Nghị quyết Đại hội Hội Nông dân các cấp, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX là Đại hội “*Đoàn kết - Dân chủ - Đột phá - Hợp tác - Phát triển*”, có nhiệm vụ đánh giá tình hình, kết quả công tác Hội và phong trào nông dân từ Đại hội VIII đến nay, đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nhiệm kỳ 2026 - 2031, cụ thể hóa tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ I, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

**Phần thứ nhất**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÔNG TÁC HỘI VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN  
TỪ ĐẠI HỘI VIII ĐẾN NAY**

**A- TÌNH HÌNH NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN**

Trong những năm qua, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, bất ổn, khó lường, xuất hiện những thay đổi mang tính thời đại, nhiều vấn đề rất mới, chưa có tiền lệ; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng

gay gắt, xung đột có xu hướng leo thang; việc thay đổi chính sách thuế quan, nhập khẩu của các nước lớn đã tác động mạnh đến chuỗi sản xuất, phân phối toàn cầu. Ở trong nước, kinh tế - xã hội bị tác động sâu sắc bởi những yếu tố bất lợi từ bên ngoài, chịu ảnh hưởng nặng nề của thảm họa thiên tai, dịch bệnh, nhưng dưới sự lãnh đạo sáng suốt, quyết liệt của Đảng, sự nỗ lực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Quốc hội, sự quản lý, điều hành nhạy bén, quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả của Chính phủ, nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta đã đạt được kết quả quan trọng. Nhiều quyết sách chiến lược mang tính cách mạng được tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, tạo nền tảng, điều kiện phát triển đất nước.

### **I- Tình hình nông nghiệp**

Nông nghiệp tiếp tục khẳng định vị trí quan trọng, là lợi thế quốc gia, phát huy vai trò “trụ đỡ” trong nền kinh tế, đạt kỷ lục mới về xuất khẩu<sup>3</sup>; các mô hình nông nghiệp sinh thái, xanh, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao, liên kết chuỗi giá trị, sản phẩm giá trị cao và thị trường xuất khẩu đa dạng, cấp mã số vùng trồng, vùng nuôi có xu hướng gia tăng. Tuy nhiên nông nghiệp cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức do biến động tăng giá vật tư đầu vào, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh; chất lượng nông sản, an toàn thực phẩm còn ảnh hưởng đến xuất khẩu; các hình thức tổ chức và liên kết sản xuất hiệu quả chưa thật sự ổn định; duy trì và phát triển bền vững các liên kết chuỗi giá trị còn hạn chế.

### **II- Tình hình nông dân**

Nông dân ngày càng khẳng định vai trò là chủ thể, là trung tâm trong phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới; trình độ, đời sống được nâng lên rõ rệt; luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và chính sách của Nhà nước; ủng hộ và đồng thuận cao với chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Song việc đổi mới tư duy phát triển các hình thức tổ chức sản xuất còn hạn chế, trình độ, năng lực phần lớn chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất hiện đại; còn chênh lệch về cơ hội tiếp cận và mức độ thụ hưởng thành quả phát triển giữa nông dân ở các vùng, miền; đời sống một bộ phận nông dân<sup>4</sup> còn nhiều khó khăn, còn tình trạng thoát nghèo chưa bền vững.

### **III- Tình hình nông thôn**

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu cho phát triển, sản xuất; cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch tích cực, hình thành nhiều mô hình sản xuất kinh doanh mới; văn hóa, xã hội, môi trường gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế được tăng cường; an ninh, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo; phong trào xây dựng nông thôn mới<sup>5</sup>, “xóa nhà tạm, nhà dột nát”, chiến dịch “Quang Trung” khắc phục nhà ở sau bão lũ được triển khai sâu rộng, đạt kết quả nổi bật. Mặc dù vậy, nông thôn phát triển chưa đồng đều, kết nối nông thôn - đô thị yếu, hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển sản xuất và bảo đảm an toàn, một số nơi chưa đáp ứng được yêu cầu dịch vụ xã hội cơ bản; sự phân hoá giàu - nghèo, bất bình đẳng xã hội có xu hướng gia tăng.

## **B- KẾT QUẢ CÔNG TÁC HỘI VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN TỪ ĐẠI HỘI VIII ĐẾN NAY**

### **I- XÂY DỰNG HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH**

**1. Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, hội viên, nông dân được đổi mới, nâng cao chất lượng, đa dạng hình thức thông qua tổ chức các hội nghị<sup>6</sup>, xây dựng mô hình, sinh hoạt chi, tổ hội, câu lạc bộ, các hội thi, hoạt động văn hóa, văn nghệ (đạt 118,1% kế hoạch). Đẩy mạnh kết nối giữa tổ chức Hội với hội viên, nông dân qua Internet, mạng xã hội; phát huy vai trò báo chí, trang thông tin điện tử, Nền tảng số Nông dân Việt Nam để tuyên truyền, đạt 146,2% kế hoạch<sup>7</sup>. Tổ chức thành công các chương trình “Tự hào nông dân Việt Nam và tôn vinh nông dân Việt Nam xuất sắc”, biểu dương “Hợp tác xã tiêu biểu toàn quốc”, tôn vinh “Nhà khoa học của Nhà nông”, cuộc thi “Sáng tạo kỹ thuật Nhà nông”, giải báo chí toàn quốc về “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn”, qua đó truyền tải chủ trương, chính sách, lan tỏa thông tin tích cực đến đông đảo hội viên, nông dân.**

**2. Tổ chức bộ máy của các cấp Hội tiếp tục được củng cố, kiện toàn tinh gọn, hoạt động hiệu quả, chất lượng đội ngũ cán bộ và hội viên được nâng lên.** Việc sắp xếp tổ chức bộ máy của Hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện quyết liệt, đồng bộ<sup>8</sup>. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được quan tâm, đạt 156,3% kế hoạch. Nhiều nơi đã chủ động tham mưu bố trí cán bộ có năng lực, trình độ, kinh nghiệm giữ vị trí người đứng đầu tổ chức Hội, tạo điều kiện cho cán bộ Hội trưởng thành ở môi trường công tác Đảng, chính quyền<sup>9</sup>. Tiếp tục đổi mới, đa dạng hình thức tập hợp, phát triển hội viên, thành lập mới 2.419 chi Hội Nông dân nghề nghiệp (đạt 190,0% kế hoạch, 96,8% chỉ tiêu nhiệm kỳ), 11.708 tổ Hội Nông dân nghề nghiệp (đạt 116,6% kế hoạch, 46,8% chỉ tiêu nhiệm kỳ)<sup>10</sup> và 3.230 Câu lạc bộ của nông dân; thu hút, kết nạp mới 474.262 hội viên (đạt 117,0% kế hoạch, 47,4% chỉ tiêu nhiệm kỳ)<sup>11</sup>.

**3. Nội dung, phương thức hoạt động Hội có nhiều đổi mới, chất lượng, hiệu quả hoạt động được nâng cao, hướng mạnh về cơ sở; trọng tâm là xây dựng cơ chế, chính sách, tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 04 Đề án (Quyết định 182/QĐ-TTg ngày 20/02/2024, Quyết định 517/QĐ-TTg ngày 05/3/2025, Quyết định 1081/QĐ-TTg ngày 05/6/2025, Quyết định số 110/QĐ-TTg ngày 16/01/2026), tạo cơ sở, nguồn lực cho các cấp Hội đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nhất là trong việc hỗ trợ hội viên, nông dân đẩy mạnh hợp tác, liên kết, phát triển sản xuất, kinh doanh hiệu quả, an toàn, bền vững, nâng cao trình độ cán bộ Hội và nông dân sản xuất kinh doanh giỏi. Kịp thời ban hành các chương trình, kế hoạch, hướng dẫn và triển khai quyết liệt các Đề án, nhiệm vụ<sup>12</sup>. Công tác đánh giá chất lượng tổ chức Hội bảo đảm thực chất, 100% cơ sở Hội hoàn thành tốt nhiệm vụ, 100% số chi Hội đảm bảo quỹ hoạt động (đạt chỉ tiêu đề ra). Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nông dân được chú trọng, nhất là giám sát việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh vật tư đầu vào trong nông nghiệp<sup>13</sup>, tạo môi trường cho nông dân phản ánh, kiến nghị tháo gỡ khó khăn.**

**4. Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định,** kịp thời ban hành các văn bản thi hành (quy định, quy chế, hướng dẫn...), củng cố, kiện toàn Ủy ban kiểm tra các cấp phù hợp theo mô hình tổ chức mới. Việc xây dựng và triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm được đảm bảo<sup>14</sup> góp phần hạn chế tiêu cực, sai phạm; khuyến khích, phát huy các nhân tố mới tích cực; nâng cao kỷ luật, kỷ cương, chấp hành nghiêm Điều lệ, Nghị quyết của Hội và chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

**5. Công tác thi đua, khen thưởng được đổi mới, nâng cao chất lượng,** kịp thời sửa đổi bổ sung Quy chế thi đua, khen thưởng, điều chỉnh phù hợp các cụm thi đua sau sắp xếp đơn vị hành chính. Tổ chức thành công Đại hội thi đua yêu nước Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VI, các chương trình, sự kiện lớn của Hội và tham gia các sự kiện trọng đại của đất nước<sup>15</sup>. Chú trọng biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc<sup>16</sup>, các nông dân sản xuất kinh doanh giỏi<sup>17</sup>, nông dân xuất sắc, hợp tác xã tiêu biểu, tạo khí thế sôi nổi trong công tác Hội và phong trào nông dân.

## **II- XÂY DỰNG NGƯỜI NÔNG DÂN VIỆT NAM VĂN MINH, PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN**

**1. Nhận thức chính trị, hiểu biết pháp luật, ý thức trách nhiệm với cộng đồng của nông dân được nâng lên** thông qua việc tổ chức các hội nghị, tọa đàm, tư vấn trực tiếp gắn với sinh hoạt chi, tổ Hội, câu lạc bộ, đăng tải trên hệ thống truyền thông các chủ trương, chính sách, kiến thức pháp luật. Vận động hội viên, nông dân tham gia phong trào “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, phong trào “Bình dân học vụ số”, “học tập suốt đời”, khơi dậy khát vọng vươn lên. Tổ chức tập huấn, truyền thông kiến thức pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm<sup>18</sup>; hằng năm vận động 7,7 triệu hộ ký cam kết sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ nông sản thực phẩm an toàn (đạt 96,7% kế hoạch, 84,6% chỉ tiêu nhiệm kỳ); đẩy mạnh mô hình “nói không với hóa chất cấm, thực phẩm bẩn”, góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm vì sức khỏe cộng đồng.

**2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng, tư duy hợp tác, liên kết trong sản xuất, kinh doanh cho nông dân được đẩy mạnh.** Các cấp Hội đã chủ động xây dựng kế hoạch hằng năm và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho nông dân theo Quyết định số 517/QĐ-TTg ngày 05/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có 203.866 nông dân sản xuất kinh doanh giỏi được đào tạo, bồi dưỡng (đạt 178,4% kế hoạch, 81,6% chỉ tiêu nhiệm kỳ); nhiều nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân xuất sắc đã trở thành giám đốc hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ, góp phần phát triển kinh tế nông thôn.

**3. Công tác vận động, hướng dẫn hội viên, nông dân thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng cộng đồng dân cư tiên tiến, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc ngày càng hiệu quả;** trọng tâm là việc phổ biến, vận động nông dân xây dựng nếp sống văn hóa, sinh hoạt, tiêu dùng, giao tiếp văn minh; hằng năm vận động trên 7 triệu hộ đăng ký gia đình văn hóa, tham gia xây

dựng thôn, làng, ấp, bản văn hóa; nhân rộng các mô hình “Cộng đồng nông dân tiên tiến”, “Gia đình nông dân bình đẳng, hạnh phúc, chấp hành nghiêm pháp luật và không bạo lực gia đình”; tổ chức đa dạng hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, xây dựng đời sống mới. Nhiều nơi nông dân tích cực phát triển các nghề truyền thống, sản phẩm OCOP, góp phần lưu giữ và “vật thể hóa” bản sắc văn hóa nông nghiệp, nông thôn.

**4. Công tác vận động, hỗ trợ hội viên, nông dân tham gia thực hiện các chính sách, chương trình an sinh xã hội đạt kết quả, có điểm nổi bật,** trong đó đẩy mạnh vận động nông dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, tích cực tham gia hỗ trợ giúp đỡ các hộ nghèo, gia đình chính sách<sup>19</sup>; vận động 18,6 triệu hội viên, nông dân tham gia bảo hiểm y tế (đạt 96,6% kế hoạch, 54,8% chỉ tiêu nhiệm kỳ), gần 257 nghìn hội viên, nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện (đạt 229,9% kế hoạch, vượt 2,8% chỉ tiêu nhiệm kỳ). Tích cực hưởng ứng phong trào thi đua “Cả nước chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát” với gần 40 nghìn ngôi nhà được sửa chữa, xây dựng mới<sup>20</sup>; hỗ trợ hội viên, nông dân bị ảnh hưởng thảm họa thiên tai khôi phục sản xuất, ổn định đời sống, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc<sup>21</sup>.

### **III- PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ, TRUNG TÂM CỦA NÔNG DÂN TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, KINH TẾ NÔNG THÔN VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

**1. Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững” được đổi mới, nâng cao chất lượng.** Hằng năm vận động 6,5 triệu hộ đăng ký (đạt 112,6% kế hoạch, vượt 19,1% chỉ tiêu đề ra), trong đó trên 3,4 triệu hộ đạt danh hiệu sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp<sup>22</sup> (đạt 121,3% kế hoạch, vượt 27,5% chỉ tiêu đề ra), xuất hiện nhiều tấm gương điển hình với những sáng kiến, cách làm hay, sáng tạo<sup>23</sup>. Hướng dẫn thành lập mới 705 Câu lạc bộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi; vận động nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi hỗ trợ, giúp đỡ 56.786 hộ nghèo, hộ khó khăn về vốn, vật tư, việc làm để vươn lên thoát nghèo; chú trọng biểu dương các điển hình tiên tiến, thúc đẩy phong trào thực chất hơn<sup>24</sup>.

**2. Công tác vận động nông dân tham gia thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai tích cực, hiệu quả.** Nông dân đã hiến trên 530 ha đất, đóng góp 4,6 triệu ngày công; làm mới, sửa chữa trên 3,5 nghìn km đường giao thông nông thôn, kênh mương nội đồng; xây dựng 11.125 mô hình bảo vệ môi trường (đạt 282,9% kế hoạch, vượt 12,3% chỉ tiêu nhiệm kỳ), thành lập 1.632 Câu lạc bộ nông dân bảo vệ môi trường, góp phần xây dựng nông thôn mới. Các mô hình “Sạch làng, đẹp ruộng”, “Thùng rác thân thiện với môi trường”, “Nói không với túi nilon và rác thải nhựa”... ngày càng lan tỏa, làm cho nông thôn “sáng - xanh - sạch - đẹp”. Đẩy mạnh hướng dẫn, hỗ trợ nông dân thực hiện hiệu quả các mô hình đa dạng hóa sinh kế, giảm nghèo bền vững, các dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần nâng cao đời sống<sup>25</sup>.

**3. Hoạt động hỗ trợ, hướng dẫn hội viên, nông dân phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp mới, các mô hình liên kết, hợp tác theo chuỗi giá trị, các mô hình kinh tế hiệu quả trong nông nghiệp, nông thôn tiếp tục được đẩy mạnh.** Chủ động phối hợp với doanh nghiệp, nhà khoa học hướng dẫn, hỗ trợ nông dân xây dựng, nhân rộng 4.977 mô hình sản xuất ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học; phát triển các mô hình hợp tác, liên kết chuỗi giá trị, xây dựng vùng nguyên liệu tập trung gắn với áp dụng quy trình kỹ thuật chuẩn, mã vùng sản xuất<sup>26</sup>; tư vấn, hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho 4.605 sản phẩm nông nghiệp, 5.484 sản phẩm được chứng nhận OCOP 3 sao trở lên, nâng cao sức cạnh tranh, giá trị nông sản. Phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ nông dân tham gia sản xuất lúa chất lượng cao và phát thải thấp, xây dựng, nhân rộng các mô hình nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp với du lịch.

**4. Hoạt động hướng dẫn, hỗ trợ hội viên, nông dân tham gia phát triển các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn; tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số đạt nhiều kết quả tích cực, có điểm đột phá.** Đây mạnh triển khai phong trào thi đua “Cán bộ, hội viên nông dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp”, thực hiện Quyết định 182/QĐ-TTg ngày 20/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ<sup>27</sup>, tăng cường nâng cao kiến thức cho hội viên, nông dân<sup>28</sup>; vận động, hướng dẫn, hỗ trợ thành lập 1.028 hợp tác xã nông nghiệp (đạt 240,7% kế hoạch, vượt 2,8% chỉ tiêu nhiệm kỳ, gấp 4,1 lần chỉ tiêu theo Quyết định 182/QĐ-TTg), 5.225 tổ hợp tác trong nông nghiệp (đạt 258,3% kế hoạch, vượt 4,5% chỉ tiêu nhiệm kỳ, gấp 3,5 lần chỉ tiêu theo Quyết định 182/QĐ-TTg), thu hút gần 1,3 triệu hộ hội viên, nông dân tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã (đạt 136,8% kế hoạch, 42,2% chỉ tiêu nhiệm kỳ, gấp 2,8 lần chỉ tiêu theo Quyết định 182/QĐ-TTg). Phối hợp tư vấn, hỗ trợ củng cố, kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; nâng cao nhận thức về khởi nghiệp, sáng tạo, chuyển đổi số cho hội viên, nông dân<sup>29</sup>.

#### **IV- HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ, TƯ VẤN, HỖ TRỢ NÔNG DÂN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, KINH DOANH**

**1. Hoạt động quảng bá và tiêu thụ nông sản, hàng hóa cho nông dân tiếp tục được đẩy mạnh** thông qua 551 “Cửa hàng Nông sản an toàn”, tổ chức Festival, hội chợ triển lãm nông nghiệp - thương mại, kết nối với các trung tâm thương mại, siêu thị và các chợ đầu mối; hỗ trợ 607.386 hộ tham gia sàn thương mại điện tử (đạt 137,5% kế hoạch, vượt 21,5% chỉ tiêu nhiệm kỳ)<sup>30</sup>. Các tỉnh, thành Hội chủ động ký kết các chương trình phối hợp kết nối tiêu thụ nông sản<sup>31</sup>, kịp thời thông tin những thay đổi về giá cả, thị trường tới hội viên, nông dân. Tích cực vận động hội viên, nông dân tham gia cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, phối hợp tổ chức các phiên chợ hàng Việt về nông thôn, khu công nghiệp.

**2. Việc cung ứng thiết bị, vật tư nông nghiệp cho nông dân được triển khai hiệu quả,** tăng cường phối hợp với doanh nghiệp<sup>32</sup> bảo lãnh cung ứng giống, vật tư đầu vào chất lượng cho nông dân theo hình thức trả chậm không tính lãi với trên 417 nghìn tấn phân bón các loại, gần 340 nghìn tấn thức ăn chăn nuôi, các loại

máy nông nghiệp<sup>33</sup>. Phối hợp tư vấn, hỗ trợ nông dân đầu tư, áp dụng các thiết bị cơ giới tiên tiến<sup>34</sup>, xây dựng nhà kính, nhà lưới, cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng gắn với quy trình chất lượng an toàn, công nghệ cao<sup>35</sup>; đẩy mạnh các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, vận động hội viên, nông dân sử dụng phân bón hữu cơ, vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học trong sản xuất.

**3. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghề cho nông dân được quan tâm**, chủ động xây dựng kế hoạch<sup>36</sup>, trực tiếp, phối hợp đào tạo cho gần 540 nghìn hội viên, lao động nông thôn các kiến thức về nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, quản trị với đa dạng hình thức học trực tiếp, trực tuyến, thăm quan học tập mô hình (đạt 116,3% kế hoạch, 43,1% chỉ tiêu nhiệm kỳ). Tích cực vận động nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân xuất sắc tham gia đào tạo, truyền nghề, nâng cao chất lượng lao động, tạo cơ hội việc làm cho nông dân.

**4. Hoạt động cung cấp tín dụng, hỗ trợ vốn cho nông dân ngày càng hiệu quả**, Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp được kiện toàn tổ chức, hoạt động theo quy định tại Nghị định 37/2023/NĐ-CP<sup>37</sup>, nguồn vốn Quỹ tăng trưởng 904,3 tỷ đồng (đạt 127,3% kế hoạch, vượt 17,3% chỉ tiêu nhiệm kỳ), nâng tổng nguồn vốn các cấp đạt 5.523,4 tỷ đồng<sup>38</sup>; công tác quản lý, cho vay, thu hồi vốn được thực hiện đúng quy định, bảo đảm an toàn, sử dụng hiệu quả với tổng dư nợ toàn hệ thống đạt trên 5.872 tỷ đồng, cho 25.383 hộ vay thông qua 14.314 dự án<sup>39</sup>; tích cực phối hợp với các ngân hàng thực hiện tín chấp hỗ trợ nông dân vay vốn trên 200 nghìn tỷ đồng<sup>40</sup>; đưa Quỹ Hỗ trợ nông dân trở thành công cụ quan trọng để tập hợp, đoàn kết nông dân, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần hạn chế nạn tín dụng đen ở nông thôn.

**5. Việc tư vấn, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý cho nông dân được tăng cường**, với gần 2,5 triệu lượt người được tư vấn pháp luật, trên 796 nghìn lượt người được trợ giúp pháp lý. Vận động, hướng dẫn nông dân thành lập mới 746 Câu lạc bộ nông dân với pháp luật<sup>41</sup>; duy trì, nhân rộng mô hình “Người cha trách nhiệm”, tư vấn, hỗ trợ giải quyết vấn đề bạo lực gia đình qua đường dây nóng 19001768, nâng cao kiến thức, ý thức chấp hành pháp luật của hội viên, nông dân, hạn chế tình trạng vi phạm pháp luật ở nông thôn.

**6. Hoạt động chuyển giao khoa học, kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ mới trong sản xuất, kinh doanh cho hội viên, nông dân được đẩy mạnh** thông qua tổ chức tập huấn cho trên 2,8 triệu hội viên, hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng trên 4,9 nghìn mô hình điểm. Vận động, hướng dẫn thành lập 147 Câu lạc bộ khoa học kỹ thuật nhà nông<sup>42</sup>, trên 6,5 triệu hội viên, nông dân sử dụng mạng xã hội để cập nhật kiến thức, quy trình sản xuất tiên tiến. Tích cực tổ chức các hội thảo khoa học, phổ biến thông tin, kiến thức cho hội viên, nông dân<sup>43</sup>.

## V- THAM GIA XÂY DỰNG ĐẢNG, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN VỮNG MẠNH VÀ PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

**1. Công tác tham gia xây dựng Đảng, chính quyền được chú trọng**, nhất là trong thực hiện các kết luận, chỉ thị của Đảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về

tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyên hóa”; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Phối hợp tổ chức, tham gia các hội thi “Nông dân tìm hiểu pháp luật”, “Hòa giải viên giỏi”, “Tuyên truyền viên pháp luật giỏi”. Tổ chức thành công 02 hội nghị đối thoại giữa Thủ tướng Chính phủ với nông dân, 54 hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp với hội viên, nông dân<sup>44</sup>, 04 diễn đàn “Lắng nghe nông dân nói” ở cấp Trung ương<sup>45</sup>, kịp thời nắm bắt thực tiễn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh, củng cố niềm tin của nông dân. Giới thiệu với cấp ủy kết nạp 32.325 hội viên nông dân ưu tú vào Đảng, góp phần xây dựng Đảng, chính quyền.

**2. Hoạt động tham gia giám sát và phản biện xã hội ngày càng hiệu quả, thực chất<sup>46</sup>**, nhất là trong thực hiện các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, về sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật tư nông nghiệp, công tác an sinh xã hội với trên 10 nghìn lượt ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị được các cấp Hội tập hợp hằng năm gửi đến các cơ quan chức năng, phát huy vai trò của nông dân trong thực hiện Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở.

**3. Việc phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng, củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức và liên kết, hợp tác với các giai tầng khác được quan tâm**, làm tốt công tác tư tưởng cho cán bộ trong thực hiện chủ trương sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy; kịp thời nắm bắt tình hình khó khăn, bức xúc của hội viên nông dân và dư luận xã hội với trên 8 nghìn lượt ý kiến mỗi năm được tập hợp gửi đến các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; phối hợp tham gia tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, trực tiếp hòa giải thành công gần 9 nghìn vụ mâu thuẫn trong nông dân; thực hiện tốt chương trình phối hợp và thống nhất hành động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, nhất là trong triển khai các đợt sinh hoạt chính trị, tuyên truyền, tổ chức các hoạt động nhân ngày lễ, sự kiện lớn của đất nước, các phong trào thi đua, cuộc vận động; tích cực vận động nông dân tham gia “Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc”, tạo sự gắn kết, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

## **VI- THAM GIA BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH**

Công tác tham gia bảo đảm quốc phòng, an ninh tiếp tục được tăng cường, tích cực vận động hội viên, nông dân thực hiện phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, phối hợp xây dựng, duy trì 22.990 mô hình tự quản về an ninh trật tự, các mô hình “Điểm sáng vùng biên”, “Tổ nông dân tự quản, tự phòng”, tham gia tuần tra, bảo vệ đường biên, mốc giới, cung cấp thông tin với các lực lượng chức năng, góp phần bảo đảm an ninh, trật tự. Phối hợp tổ chức tuyên dương hội viên tiêu biểu trong giai đoạn 2019-2024<sup>47</sup>, tạo sức lan tỏa. Tích cực tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, chăm lo thương bệnh binh với trên 24,3 nghìn người, phụng dưỡng 1.561 Mẹ Việt Nam anh hùng.

## **VII- HỘI NHẬP VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI NHÂN DÂN**

Việc hội nhập, hợp tác quốc tế, tham gia đối ngoại nhân dân được quan tâm đẩy mạnh thông qua duy trì quan hệ, hợp tác với 78 đối tác quốc tế<sup>48</sup>; tham dự các

hội nghị, hội thảo, tiếp đón các đoàn khách quốc tế<sup>49</sup>; tăng cường giao lưu, thông tin, tuyên truyền về chủ trương, chính sách, những thành tựu phát triển đất nước và đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước; giới thiệu, quảng bá nông sản, văn hóa và hình ảnh đất nước đến bạn bè quốc tế; nắm bắt, truyền tải thông tin về các cam kết quốc tế, sự thay đổi của chính sách, thị trường nhập khẩu đến hội viên, nông dân. Thu hút các nguồn tài trợ quốc tế để hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn<sup>50</sup>; tổ chức các hội thảo quốc tế, nâng cao trình độ cho cán bộ Hội, chuyên gia khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến cho nông dân<sup>51</sup>.

## C- ĐÁNH GIÁ CHUNG

### I- Những kết quả nổi bật và nguyên nhân

Công tác Hội và phong trào nông dân tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng, nhiều điểm đột phá, thực hiện 16/18 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, nhiều chỉ tiêu khó nhưng vượt cả chỉ tiêu nhiệm kỳ, điển hình như thành lập tổ hợp tác vượt 4,5%, thành lập hợp tác xã vượt 2,8%, số hội viên tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện vượt 2,8%, số hộ tham gia sàn thương mại điện tử vượt 21,5%, tăng trưởng Quỹ Hỗ trợ nông dân vượt 17,3%.

Công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ Hội các cấp được triển khai quyết liệt, đồng bộ; kịp thời nắm bắt khó khăn, vướng mắc trong thực hiện đề xuất, kiến nghị với cấp có thẩm quyền. Công tác tổ chức Đại hội Hội Nông dân các cấp nhiệm kỳ 2025-2030 hoàn thành đúng kế hoạch, chất lượng.

Công tác tham mưu, xây dựng cơ chế, chính sách đạt nhiều kết quả quan trọng, được Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt 04 Đề án, tạo cơ sở, động lực bứt phá, đổi mới hoạt động Hội và phong trào nông dân (Đề án Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030; Đề án Bồi dưỡng cán bộ Hội Nông dân các cấp, chi hội trường nông dân và nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân xuất sắc giai đoạn 2025-2030; Đề án Kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương; Đề án Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2026-2030).

Nội dung, phương thức hoạt động Hội có nhiều đổi mới, sáng tạo, chuyển từ vận động sang dẫn dắt, hỗ trợ; tổ chức các phong trào nông dân hiệu quả, thiết thực, kết hợp giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng chất lượng; vai trò nòng cốt trong xây dựng giai cấp nông dân ngày càng được khẳng định; chất lượng hội viên, nhận thức chính trị, trình độ, kỹ năng sản xuất, kinh doanh của nông dân được nâng lên, đời sống vật chất, tinh thần được cải thiện.

Công tác xây dựng tổ chức, hoạt động của Hội và đóng góp của hội viên, nông dân đã góp phần quan trọng vào thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

*Đạt được những kết quả trên có nhiều nguyên nhân, chủ yếu là:* được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, sự quan tâm, tạo điều kiện của Chính phủ,

Thủ tướng Chính phủ và cấp ủy, chính quyền các cấp, sự phối hợp chặt chẽ của các ngành; Ban Chấp hành, Ban Thường vụ các cấp Hội đã tích cực đổi mới, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo; chủ động tham mưu cơ chế, chính sách, ban hành các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ; sự nỗ lực, phấn đấu của toàn thể cán bộ và hội viên, nông dân.

## II- Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

Việc tuyên truyền, vận động, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, khó khăn, vướng mắc của hội viên, nông dân ở một số nơi hiệu quả chưa cao, chưa kịp thời; một số cấp Hội chưa thực hiện tốt chỉ đạo về tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo cấp ủy, chính quyền với nông dân<sup>52</sup>, một số nội dung còn chậm tham mưu, tổ chức triển khai<sup>53</sup>.

Chất lượng phong trào nông dân, hoạt động Hội chưa đồng đều giữa các địa phương, cơ sở; đời sống một bộ phận hội viên, nông dân còn khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; còn 2/18 chỉ tiêu không đạt kế hoạch (số hội viên tham gia bảo hiểm y tế đạt 96,6%, số hộ ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm đạt 96,7%).

Một số nơi, hoạt động tư vấn, dịch vụ, hỗ trợ, đào tạo nghề còn hạn chế về quy mô, hiệu quả; chất lượng giám sát, phản biện xã hội chưa cao; việc hỗ trợ phát triển, duy trì các chuỗi liên kết chưa nhiều; hỗ trợ nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã còn hạn chế; chuyển đổi số trong công tác Hội chưa đạt yêu cầu, còn mang tính phong trào, hiệu quả chưa cao.

Trình độ một số cán bộ Hội chưa thực sự ngang tầm nhiệm vụ trong tình hình mới; các cấp Hội một số nơi bước đầu còn lúng túng trong triển khai công tác Hội khi thực hiện mô hình tổ chức bộ máy mới, nhất là ở cấp xã.

*Những hạn chế, yếu kém trên có nhiều nguyên nhân, chủ yếu là do tình hình thế giới, trong nước có nhiều khó khăn, thách thức, ảnh hưởng nặng nề của thiên tai<sup>54</sup>; cơ chế, chính sách hỗ trợ liên kết, hợp tác xã chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn; sau sắp xếp, số lượng cán bộ giảm mạnh, nhiều người chưa có kinh nghiệm công tác Hội, nhất là cấp cơ sở; bộ máy, cơ chế hoạt động của Hội còn vướng mắc<sup>55</sup>. Một số cấp Hội chưa quyết liệt, chủ động trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; sự phối hợp với các cơ quan, tổ chức cùng cấp thiếu trọng tâm, trọng điểm; một số cán bộ chậm đổi mới tư duy, phương pháp làm việc theo mô hình mới, thiếu nhiệt huyết trong tham mưu, triển khai nhiệm vụ.*

## III- Bài học kinh nghiệm

**Thứ nhất**, chủ động tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền, phối hợp chặt chẽ giữa Hội với các cơ quan, tổ chức cùng cấp là yếu tố quan trọng để tạo nguồn lực, điều kiện tổ chức triển khai hoạt động Hội và phong trào nông dân.

**Thứ hai**, tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, sự quan tâm tạo điều kiện của chính quyền; nêu cao trách nhiệm nêu gương, sự chủ động, linh hoạt, sáng tạo của người đứng đầu tổ chức Hội các cấp trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ là nhân tố quyết định hiệu quả hoạt động của tổ chức Hội và chất lượng phong trào nông dân.

**Thứ ba**, mọi hoạt động của Hội phải thực sự gắn với nguyện vọng, lợi ích thiết thực, chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, nông dân; lấy sự hài lòng của hội viên, nông dân làm thước đo hiệu quả công tác Hội.

**Thứ tư**, việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động Hội phải có trọng tâm, trọng điểm; phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả; kiểm tra, giám sát chặt chẽ trong quá trình thực hiện; lấy kết quả sản phẩm cụ thể để đánh giá chất lượng công tác Hội, đội ngũ cán bộ Hội.

**Thứ năm**, thật sự tin tưởng, tôn trọng, phát huy quyền làm chủ của nông dân trên mặt trận nông nghiệp, nông thôn; đề cao phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; kết nối vững chắc giữa nông dân với cấp ủy, chính quyền; dựa vào hội viên, nông dân để xây dựng tổ chức Hội vững mạnh và tham gia xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

## **Phần thứ hai**

### **PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC HỘI VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN NHIỆM KỲ 2026 - 2031**

#### **A- DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

Tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường. Hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng đứng trước nhiều thách thức mới. Xu hướng tự chủ chiến lược, vừa cạnh tranh vừa hợp tác, thỏa hiệp, song cạnh tranh sẽ ngày càng gay gắt hơn giữa các nước lớn; chủ nghĩa bảo hộ, chính sách thuế quan áp đặt trong thương mại sẽ tác động mạnh đến chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng toàn cầu. Xu thế toàn cầu hóa và liên kết kinh tế, sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư dẫn tới sự chuyên đổi hệ thống sản xuất, kinh doanh và quản trị, hình thành lực lượng sản xuất mới; sự quan tâm thúc đẩy chuyển đổi xanh, chuyển đổi số làm thay đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực. An ninh phi truyền thống ngày càng phức tạp, khó dự báo. Các thách thức đó tiếp tục tác động đến tất cả các nước, trong đó có Việt Nam, nhất là đối với thương mại nông sản, sự tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Ở trong nước, nền kinh tế vận hành theo phương thức của nền kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Cuộc cách mạng tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị cùng các chủ trương, chính sách của Đảng, những quyết sách chiến lược của Bộ Chính trị sẽ tạo động lực thúc đẩy phát triển mạnh mẽ nông nghiệp, nông thôn, chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh, chuyển dịch cơ cấu và chất lượng lao động. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra cơ hội lớn để bứt phá, nhưng giảm mạnh lợi thế lao động giá rẻ. Hội nhập quốc tế sâu rộng tạo ra cơ hội, điều kiện để tiếp thu tri thức, mở rộng sản xuất kinh doanh, thị trường xuất khẩu nhưng là thách thức đối với sức cạnh tranh, chất lượng nông sản, sản xuất kinh doanh nhỏ, truyền thống. Phát triển

nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, công nghệ cao, thông minh là xu hướng tất yếu; cơ giới hóa, tự động hóa, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ sinh học là động lực, cơ hội tháo gỡ điểm nghẽn năng suất lao động, giá trị gia tăng trong nông nghiệp, nhưng là thách thức đối với trình độ của nông dân, xu thế già hóa lao động, việc làm cho lao động dư thừa. Sự chuyển đổi ngành nghề của nông dân, chuyển dịch lao động giữa nông thôn và đô thị, xu thế “nữ hóa nông nghiệp”, “lão hóa nông thôn”, “nông dân dần không còn chiếm đa số ở nông thôn” làm thay đổi xã hội nông thôn, đặc tính giai cấp nông dân. Những khác biệt về trình độ, phương thức lao động, vai trò trong sản xuất, sự phát triển “công nghiệp sản xuất nông nghiệp” dẫn đến sự phân tầng mức độ thu nhập, sinh kế và cơ hội phát triển trong nông dân, hình thành các giai tầng khác nhau về mức độ hưởng thụ trong xã hội nông thôn, nguy cơ gia tăng phân hóa giàu - nghèo. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng gay gắt, khó lường, là thách thức năng lực đối phó rủi ro của nông dân. Mặt trái của hội nhập quốc tế, không gian mạng có thể làm mai một, pha tạp giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp ở nông thôn.

Tình hình trên sẽ tạo ra cả những thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen đối với phát triển nông nghiệp, nông thôn, giai cấp nông dân và tổ chức Hội trong thời gian tới, đòi hỏi Hội Nông dân các cấp phải vươn lên ngang tầm nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, góp phần đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

## **B- PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU**

### **I- Phương hướng**

Với tinh thần “*Đoàn kết - Dân chủ - Đột phá - Hợp tác - Phát triển*”, Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IX xác định phương hướng nhiệm kỳ 5 năm (2026 - 2031) là xây dựng Hội Nông dân Việt Nam vững mạnh; phát huy vai trò nông dân là chủ thể, là trung tâm trong phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc trong kỷ nguyên mới.

Hội Nông dân Việt Nam tinh gọn về bộ máy, vững mạnh về chính trị, tổ chức và hành động, là nòng cốt cho phong trào nông dân, xây dựng giai cấp nông dân; lấy hội viên, nông dân làm trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực để đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, bảo đảm thực sự là “người bạn đồng hành của nông dân”; phát huy vai trò nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân xuất sắc là “ngọn đuốc” lan tỏa tinh thần đổi mới, khát vọng vươn lên làm giàu trong nông dân. Mọi hoạt động của Hội phải hướng mạnh về cơ sở, gắn với lợi ích thiết thực, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nông dân; đo lường được kết quả, đánh giá được tác động; gắn “hợp tác xã, cụm liên kết, chế biến, thị trường”, hướng tới “sinh kế nông thôn xanh - nông nghiệp số - chuỗi giá trị - xây dựng thương hiệu - tiêu thụ nông sản”; làm tốt vai trò cầu nối vững chắc giữa nông dân với Đảng, Nhà nước; tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, khôi đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng củng cố liên minh “công nhân - nông dân - trí thức”;

chủ động hội nhập, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, đối ngoại nhân dân; góp phần phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, chung tay phát triển nhanh, bền vững đất nước.

## **II- Mục tiêu**

1. Xây dựng Hội Nông dân Việt Nam vững mạnh, hoạt động hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới; xây dựng đội ngũ cán bộ Hội các cấp tinh gọn, đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, tâm huyết với công tác Hội và phong trào nông dân; là hạt nhân nòng cốt, phối hợp thực hiện thống nhất, hiệu quả các nhiệm vụ trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; chú trọng nâng cao chất lượng hội viên; xây dựng, củng cố cơ sở Hội vững mạnh.

2. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp, đoàn kết nông dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân ngày càng được nâng cao cùng với sự phát triển của đất nước; nâng cao năng lực làm chủ của nông dân trong phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghệ số.

3. Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng phong trào nông dân, “giảm tính hình thức - tăng tính thực chất”, trọng tâm là phong trào “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”, phong trào “Cán bộ, hội viên nông dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp” gắn với phong trào “Nông dân nói không với thực phẩm bẩn”, thực hiện chuyển đổi số, chuẩn mực an toàn thực phẩm, bảo đảm “xanh - sạch - truy xuất”, xây dựng thương hiệu, “hộ chiếu” nông sản.

4. Xây dựng người nông dân mới, văn minh, phát triển toàn diện, có ý chí, tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên, giàu lòng yêu nước, có trách nhiệm xã hội, thượng tôn pháp luật; nâng cao trình độ, năng lực của nông dân gắn với hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hợp tác, liên kết chuỗi giá trị; phát huy vai trò chủ thể, tinh thần của “người lính trên mặt trận nông nghiệp” để làm giàu chính đáng, phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới văn minh, an ninh, nghĩa tình, môi trường trong sạch, an toàn.

5. Tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chú trọng “mở rộng dân chủ thực chất, tăng cường lắng nghe, đối thoại với nông dân để nông dân được biết, được bàn, được làm, được giám sát, được kiểm tra”; đẩy mạnh hợp tác quốc tế và hoạt động đối ngoại nhân dân, thu hút nguồn lực, nâng cao hiệu quả công tác Hội và phong trào nông dân.

## **III- Các chỉ tiêu cụ thể**

1. Có 100% cán bộ, hội viên được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị của Hội.

2. Kết nạp từ 500.000 hội viên mới trở lên.

3. Thành lập mới 25.000 tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, 2.500 chi Hội Nông dân nghề nghiệp; tư vấn, hỗ trợ ít nhất 18.000 tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, 3.000

chi Hội Nông dân nghề nghiệp sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm theo quy trình, tiêu chuẩn chất lượng an toàn.

4. Có ít nhất 97% cơ sở hội hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

5. Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ, kỹ năng cho 250.000 nông dân xuất sắc, nông dân sản xuất kinh doanh giỏi các cấp.

6. Hằng năm có từ 60% số hộ nông dân trở lên đăng ký phân đấu và có từ 50% số hộ đăng ký trở lên đạt danh hiệu sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp.

7. Hỗ trợ thành lập mới 5.000 tổ hợp tác, 1.000 hợp tác xã nông nghiệp; hướng dẫn, hỗ trợ ít nhất 4.500 tổ hợp tác, 1.500 hợp tác xã nông nghiệp sản xuất, chế biến, kinh doanh theo quy trình, tiêu chuẩn chất lượng an toàn, trong đó có ít nhất 300 hợp tác xã kết nối chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

8. Có 100% sản phẩm OCOP nông sản thực phẩm do Hội Nông dân vận động, tư vấn, hỗ trợ được truy xuất nguồn gốc.

9. Tăng trưởng quỹ hỗ trợ nông dân bình quân từ 10%/năm trở lên; duy trì dư nợ ủy thác với các ngân hàng đạt 200.000 tỷ đồng.

10. Có ít nhất 70% số hội viên nông dân được trang bị kiến thức, kỹ năng số; trên 95% hộ hội viên có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm.

11. Vận động, hướng dẫn, hỗ trợ hội viên, nông dân thành lập ít nhất 5.000 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

## **C- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **\* Các nhiệm vụ đột phá:**

(1) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức tập hợp, đoàn kết nông dân gắn với chuyển đổi số trong công tác Hội.

(2) Tập trung vận động, hỗ trợ nông dân phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp gắn với bảo đảm an toàn thực phẩm.

(3) Tăng cường nâng cao trình độ, kỹ năng cho cán bộ Hội và hội viên nông dân, trọng tâm là kiến thức, kỹ năng số.

(4) Đẩy mạnh vận động, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi tham gia phát triển doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

## **I- XÂY DỰNG HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM VỮNG MẠNH, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

### **1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng**

Tuyên truyền, phổ biến kịp thời, thường xuyên các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, hội viên, nông dân; trọng tâm là Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp; các Nghị quyết của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, phát triển kinh tế tập thể; các Nghị quyết trụ cột, chiến lược của Bộ Chính trị; các Nghị

quyết của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Nông dân các cấp.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, vận động nông dân theo Nghị quyết số 07-NQ/HNĐTƯ ngày 05/02/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Hội khóa VIII. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng của Đảng, truyền thống lịch sử của dân tộc, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, của giai cấp nông dân và Hội Nông dân Việt Nam cho cán bộ, hội viên, nông dân.

Tăng cường tuyên truyền gắn với xây dựng các mô hình điểm, sinh hoạt chi, tổ Hội, câu lạc bộ của nông dân, các hội thi, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; chú trọng ứng dụng công nghệ mạng, nền tảng số. Thường xuyên đăng tải tin, bài tuyên truyền trên Báo Nông thôn ngày nay/Điện tử Dân Việt, nền tảng số Nông dân Việt Nam, trang thông tin điện tử của các cấp Hội.

## **2. Xây dựng đội ngũ cán bộ Hội đủ phẩm chất và năng lực ngang tầm nhiệm vụ; phát triển và nâng cao chất lượng hội viên**

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ Hội các cấp, nhất là cấp xã, chi Hội theo Quyết định 517/QĐ-TTg ngày 05/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ; trọng tâm là kỹ năng tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, các kiến thức về nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, an toàn thực phẩm, công nghệ số, quản trị, quản lý kinh tế.

Vận động cán bộ, hội viên, nông dân tích cực tham gia phong trào “Cả nước thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời”, “Bình dân học vụ số” bằng các hình thức phù hợp. Duy trì nề nếp việc cập nhật kiến thức mới.

Chủ động tham mưu, đề xuất bố trí, thu hút cán bộ có năng lực, trình độ, kinh nghiệm về làm việc tại Hội Nông dân, chú trọng cấp cơ sở, các địa bàn khó khăn. Thực hiện chuẩn mực đạo đức công vụ, đề cao trách nhiệm nêu gương, nhất là người đứng đầu tổ chức Hội các cấp.

Phân công nhiệm vụ bảo đảm 3 Rõ - 3 Đo (rõ mục tiêu, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn - đo đầu vào, đo đầu ra, đo tác động); áp dụng 3 Gắn (gắn dân, gắn cơ sở, gắn không gian số), 4 Không (không hình thức, không né tránh, không đùn đẩy, không làm sai chức năng), 5 Phải (phải lắng nghe, phải đối thoại, phải làm mẫu, phải chịu trách nhiệm, phải báo cáo kết quả); thực hiện nguyên tắc “có vào, có ra”, “có lên, có xuống” trong công tác cán bộ.

Đa dạng các hình thức tập hợp, mở rộng đối tượng, thu hút nhiều thành phần tham gia tổ chức Hội, nhất là các trí thức trẻ, nhà khoa học, doanh nhân trong nông nghiệp. Đẩy nhanh xây dựng cơ sở dữ liệu, thực hiện quản lý hội viên trên nền tảng số Nông dân Việt Nam.

## **3. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội Nông dân các cấp, hướng mạnh về cơ sở**

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, người đứng đầu các cấp Hội trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức hoạt động Hội và phong trào

nông dân; đẩy nhanh chuyển đổi số, ứng dụng các nền tảng số, tạo động lực then chốt nâng cao hiệu quả công tác Hội.

Tăng cường tổ chức các hội nghị, diễn đàn đối thoại, hoạt động chuyên giao khoa học công nghệ, kết nối hợp đồng liên kết, hỗ trợ xây dựng chuỗi giá trị để gắn kết nông dân với doanh nghiệp, nhà khoa học và nhà nước. Chủ động tham mưu, đề xuất và tham gia thực hiện các đề án, dự án phát triển kinh tế, xã hội ở nông thôn gắn với công tác tuyên truyền, vận động.

Đẩy mạnh thành lập các chi, tổ hội nông dân nghề nghiệp, các câu lạc bộ của nông dân. Đa dạng hình thức, nâng cao chất lượng, chú trọng lồng ghép nội dung chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, bảo đảm an toàn thực phẩm, an sinh xã hội, xây dựng môi trường văn hóa trong sinh hoạt chi, tổ hội, câu lạc bộ.

Chăm lo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho hội viên, nông dân bằng các hoạt động tư vấn, hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, gắn với giải quyết khó khăn, vướng mắc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nông dân. Tổ chức cho hội viên, nông dân đánh giá chất lượng dịch vụ, vật tư đầu vào trong nông nghiệp thông qua chỉ số đánh giá.

Nâng cao chất lượng các chương trình “Tự hào nông dân Việt Nam và tôn vinh nông dân Việt Nam xuất sắc”, biểu dương “Hợp tác xã tiêu biểu toàn quốc”; các hoạt động “Nhà nông sáng tạo”, “Nhà nông đua tài”, cuộc thi “Sáng tạo kỹ thuật nhà nông”, giải báo chí toàn quốc về “nông nghiệp, nông dân, nông thôn”.

#### **4. Tăng cường, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát**

Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ, phù hợp với mô hình tổ chức, hoạt động của từng cấp.

Xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát hằng năm; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh thiếu sót, ngăn chặn tiêu cực, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, kiên quyết xử lý sai phạm; chú trọng kiểm tra, giám sát chuyên đề; tăng cường kiểm tra, giám sát cơ sở Hội, thực hiện dân chủ ở cơ sở.

#### **5. Đổi mới công tác thi đua, khen thưởng**

Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp tổ chức các phong trào thi đua bảo đảm “thực chất - tích cực - lan tỏa”; kịp thời phát hiện, khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến, các mô hình mới, nhân tố mới. Nâng cao chất lượng đánh giá, bình xét, bảo đảm khách quan, thực chất, “người thật, việc thật, hiệu quả thật”; chú trọng khen thưởng đối với cơ sở, ở những nơi khó khăn, vùng sâu, vùng xa, tập thể nhỏ, nông dân, cán bộ chi, tổ Hội.

Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch thi đua hằng năm, các hội nghị điển hình tiên tiến các cấp; cụ thể hóa các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ Đại hội thi đua yêu nước Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VI, Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ X phù hợp với hoạt động Hội của từng cấp. Đẩy mạnh tuyên

truyền, lan tỏa các tấm gương điển hình trên phương tiện truyền thông của Hội. Nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng.

## **II- XÂY DỰNG NGƯỜI NÔNG DÂN MỚI VÀ GIAI CẤP NÔNG DÂN VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN TRONG KỶ NGUYÊN MỚI**

### **1. Nâng cao nhận thức chính trị, hiểu biết pháp luật, trách nhiệm cộng đồng, tự hào dân tộc, khát vọng vươn lên của nông dân**

Phổ biến, giáo dục truyền thống lịch sử, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, hướng dẫn nhận diện, phản bác những luận điệu xuyên tạc lịch sử, văn hoá, truyền thống cách mạng trong sinh hoạt chi, tổ Hội, câu lạc bộ của nông dân. Đẩy mạnh tập huấn, đa dạng hình thức truyền thông các kiến thức pháp luật, kỷ luật lao động, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội trong sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm cho nông dân.

Phát huy vai trò cộng đồng, gia đình, tinh thần tự học hỏi của hội viên, nông dân để nâng cao trình độ, kỹ năng, thi đua thực hiện “3 tiên phong”: (1) Tiên phong thoát nghèo và thi đua làm giàu, (2) Tiên phong xây dựng nông dân văn minh, (3) Tiên phong sản xuất xanh, bền vững, chuyển đổi số.

### **2. Nâng cao trình độ, kỹ năng, tư duy hợp tác, liên kết trong sản xuất kinh doanh, hỗ trợ nông dân trở thành nông dân số**

Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho hội viên, nông dân các kiến thức về kinh tế nông nghiệp, kinh tế số, chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng nông sản, thực phẩm an toàn; nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, thông minh; quản trị, quản lý kinh tế.

Tập trung bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng cho nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân xuất sắc theo Quyết định 517/QĐ-TTg ngày 05/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm có đủ năng lực trở thành chủ tịch, giám đốc hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ ở nông thôn, dẫn dắt thúc đẩy quá trình “tri thức hóa nông dân”, hình thành lực lượng “nông dân chuyên nghiệp”.

Triển khai hiệu quả kế hoạch thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, kế hoạch hưởng ứng phong trào “Bình dân học vụ số” của Trung ương Hội. Tăng cường tập huấn, phổ biến cho hội viên, nông dân các kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin, công nghệ số, sử dụng thiết bị thông minh, dịch vụ số thiết yếu trong sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Phát huy vai trò chi, tổ Hội, các câu lạc bộ trong vận động, hướng dẫn hội viên, nông dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, giao dịch mua bán, quảng bá nông sản trên mạng, thanh toán điện tử; tham gia góp ý, phản ánh, kiến nghị, thực hiện trách nhiệm công dân, ứng xử chuẩn mực, an toàn trên không gian số.

### **3. Vận động, hướng dẫn nông dân thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa dân tộc**

Tăng cường phổ biến, vận động, hướng dẫn hội viên, nông dân thực hiện hệ

giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam; xây dựng văn hóa sản xuất, tiêu dùng thực phẩm an toàn, văn hoá khởi nghiệp sáng tạo và đạo đức kinh doanh; gìn giữ thuần phong mỹ tục, phát huy tinh thần tương thân, tương ái; thực hiện tốt quy ước, hương ước ở nông thôn.

Đẩy mạnh phong trào nông dân xây dựng gia đình văn hóa, cộng đồng văn minh, khu dân cư tiên tiến, thực hành lối sống văn hoá, văn minh; nhân rộng mô hình “Gia đình nông dân bình đẳng, hạnh phúc, chấp hành nghiêm pháp luật và không bạo lực gia đình”, “Nông dân tự quản” trong xây dựng đời sống văn hóa.

Vận động, hướng dẫn nông dân khôi phục, giữ gìn giá trị văn hóa truyền thống kết hợp tiếp thu văn minh, tiến bộ; bài trừ các hình thức văn hoá lai căng, hủ lậu; tham gia bảo tồn di sản văn hóa vật thể, phi vật thể ở địa phương. Phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ nông dân bảo tồn, phát triển ngành nghề, làng nghề truyền thống kết hợp với hiện đại, gắn với bảo vệ môi trường nông thôn.

#### **4. Tích cực vận động, hỗ trợ nông dân tham gia thực hiện các chính sách, chương trình an sinh xã hội**

Phối hợp tổ chức các hoạt động, vận động hội viên, nông dân tham gia các chương trình bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, giáo dục đào tạo, văn hóa, thể thao trong cộng đồng; tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm nông nghiệp. Vận động, quyên góp hỗ trợ nông dân thuộc diện chính sách, hộ nghèo, ở các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, từng bước nâng cao đời sống, thực hiện tốt phương châm “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Tổ chức thực hiện hiệu quả các chương trình phối hợp giữa Hội với các tổ chức trong nước và quốc tế về hỗ trợ an sinh xã hội, bảo hiểm cho hội viên, nông dân. Vận động, hỗ trợ hội viên, nông dân chuyển từ lao động phi chính thức sang lao động chính thức.

### **III- PHÁT HUY VAI TRÒ CHỦ THỂ CỦA NÔNG DÂN TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, KINH TẾ NÔNG THÔN, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

#### **1. Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng các phong trào nông dân**

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng phong trào “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững” theo Nghị quyết 06-NQ/HNĐTƯ của Ban Chấp hành Trung ương Hội khóa VIII, trọng tâm là thi đua “thoát nghèo, làm giàu” ở địa bàn khó khăn, thi đua “sản xuất xanh, chuyển đổi số” ở những nơi phát triển, đẩy mạnh hợp tác, liên kết chuỗi giá trị, tham gia chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn. Vận động nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân xuất sắc tích cực hỗ trợ các hộ nông dân khác. Nâng cao số lượng, chất lượng Câu lạc bộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi.

Tổ chức thực hiện hiệu quả phong trào “Cán bộ, hội viên nông dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp”, chú trọng hướng dẫn, hỗ trợ thành lập mới, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác xã theo Quyết định 182/QĐ-TTg ngày 20/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ. Tư vấn,

hỗ trợ xây dựng các mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp sản xuất theo quy trình, tiêu chuẩn chất lượng an toàn, ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, xây dựng chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn. Triển khai hiệu quả, thực chất các chương trình phối hợp giữa các cấp Hội Nông dân với Liên minh Hợp tác xã Việt Nam. Phát động phong trào “Nông dân nói không với thực phẩm bẩn”.

Thường xuyên kiểm tra, định kỳ sơ kết, tổng kết; biểu dương kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích, tôn vinh nông dân, hợp tác xã tiêu biểu, nhà khoa học, doanh nghiệp đồng hành cùng nông dân trong các phong trào thi đua. Thực hiện tốt việc cập nhật, theo dõi số lượng hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi, số lượng tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội.

## **2. Hỗ trợ, hướng dẫn nông dân xây dựng các mô hình sản xuất, kinh tế hiệu quả, an toàn, phát triển doanh nghiệp trong nông nghiệp**

Hỗ trợ, hướng dẫn hội viên, nông dân phát triển đa dạng các mô hình kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại; chú trọng chuyển đổi mô hình kinh tế hộ nông dân sang mô hình kinh tế hộ kinh doanh, doanh nghiệp, nhất là đối với các hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân xuất sắc; quảng bá thương hiệu, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, bình đẳng của doanh nghiệp do nông dân làm chủ.

Vận động hội viên, nông dân tích cực thành lập chi Hội, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp; đẩy mạnh tư vấn, hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến nông sản, thực phẩm ứng dụng công nghệ cao, liên kết chuỗi giá trị; áp dụng các quy trình, tiêu chuẩn chất lượng an toàn; khuyến khích ứng dụng công nghệ mới; phát triển đa dạng các mô hình hợp tác, liên kết sản xuất theo quy trình kỹ thuật chuẩn, gắn mã vùng sản xuất, xây dựng các chuỗi cung ứng nông sản, thực phẩm an toàn theo Quyết định 110/QĐ-TTg ngày 16/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ. Chú trọng “hỗ trợ theo kết quả” tạo động lực cho nông dân duy trì liên kết bền vững, đưa liên kết chuỗi giá trị trở thành văn hóa hợp tác, niềm tin của nông dân.

Đẩy mạnh xây dựng, nhân rộng các mô hình trình diễn về nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải; nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, công nghệ cao, thông minh; nông nghiệp kết hợp công nghiệp chế biến, dịch vụ, du lịch; nông nghiệp đô thị theo hướng “thành phố xanh”, “khu đô thị sinh thái”. Tăng cường các hoạt động hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, sử dụng sổ nhật ký điện tử, mã QR code, ứng dụng IoT, AI... trong nông nghiệp.

Tham gia thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua “Phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”, “Đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh”.

## **3. Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, dịch vụ, hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh**

Đẩy mạnh tư vấn, hỗ trợ kết nối thị trường, tổ chức hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại, quảng bá, liên kết tiêu thụ nông sản, hàng hóa cho nông dân. Tư vấn, hỗ trợ nông dân xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, thiết lập mã

số vùng trồng, vùng nuôi, mã số cơ sở đóng gói, đăng ký, bảo hộ thương hiệu hàng hoá, kiểm soát an toàn thực phẩm, chứng nhận sản phẩm OCOP, tham gia thương mại nông sản điện tử.

Phối hợp tư vấn, hỗ trợ hội viên, nông dân đầu tư, áp dụng các thiết bị cơ giới tiên tiến, nhà kính, nhà lưới, chuồng trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản hiện đại gắn với quy trình sản xuất tiên tiến, an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn và truy xuất nguồn gốc; phối hợp, liên kết với doanh nghiệp cung ứng vật tư nông nghiệp chất lượng cao cho nông dân theo các vùng chuyên canh, sản xuất quy mô lớn gắn với chuyên gia kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm; bảo lãnh cung ứng vật tư theo phương thức trả chậm cho các hộ sản xuất nhỏ lẻ.

Vận động, phối hợp hỗ trợ nông dân học nghề, chuyển đổi nghề gắn với giải quyết việc làm, giới thiệu lao động cho doanh nghiệp, hợp tác xã. Vận động, khuyến khích các nghệ nhân, nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân xuất sắc tham gia truyền nghề, đào tạo, bồi dưỡng nghề cho các hộ nông dân khác.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân, chủ động tham mưu, vận động bổ sung vốn quỹ; ưu tiên hỗ trợ vốn vay khởi nghiệp, sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn. Tiếp tục nhân rộng, nâng cao hiệu quả mô hình tín chấp hỗ trợ nông dân vay vốn. Tăng cường kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu quả sử dụng, bảo toàn nguồn vốn.

Mở rộng phối hợp, thực hiện đa dạng hình thức tư vấn, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý cho hội viên, nông dân phù hợp với đối tượng, vùng miền; chú trọng vấn đề pháp lý về hợp tác xã, kinh tế tư nhân, an toàn thực phẩm. Nhân rộng, nâng cao chất lượng hoạt động Câu lạc bộ nông dân với pháp luật.

Đẩy mạnh hướng dẫn, hỗ trợ nông dân ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật tiên tiến, công nghệ mới vào sản xuất, bảo quản, chế biến, ưu tiên công nghệ cao, sinh học, an toàn thực phẩm. Nhân rộng, nâng cao chất lượng hoạt động Câu lạc bộ khoa học kỹ thuật nhà nông. Kết nối nông dân với nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp để chuyển giao khoa học công nghệ, chuyển đổi số.

#### **4. Vận động nông dân tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới**

Tiếp tục vận động hội viên, nông dân tham gia hiến đất, góp tiền, ngày công lao động trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại. Thực hiện đánh giá “Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định” trong tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ nông dân tham gia hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm; xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kinh tế xanh, tuần hoàn; phát triển sản phẩm OCOP, mô hình nông nghiệp gắn với du lịch nông thôn để thực hiện tiêu chí “Kinh tế nông thôn”.

Nhân rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động Câu lạc bộ nông dân bảo vệ môi

trường; vận động, hỗ trợ hội viên, nông dân thực hiện thu gom, phân loại, xử lý chất thải, phụ phẩm tại nguồn; nhân rộng các mô hình nông dân bảo vệ môi trường, xây dựng cảnh quan, không gian “sáng - xanh - sạch - đẹp”.

Chủ động đề xuất nhiệm vụ, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức cùng cấp trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, trọng tâm là vận động, hỗ trợ nông dân phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập; nâng cao đời sống tinh thần, tiếp cận, thụ hưởng văn hóa, nhu cầu tập luyện, giải trí; chăm sóc sức khỏe và dân số.

#### **IV- THAM GIA XÂY DỰNG ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN VÀ KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC**

##### **1. Tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền**

Tổ chức các hội nghị, hội thảo, góp ý xây dựng, hoàn thiện các chủ trương, chính sách, nhất là các nội dung liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền. Đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng số trong tập hợp ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của nông dân. Tăng cường bám sát cơ sở, chủ động nắm bắt các vấn đề thực tiễn phát sinh, kịp thời kiến nghị sửa đổi bổ sung, hoàn thiện chủ trương, chính sách, pháp luật.

Tiếp tục tham mưu tổ chức và nâng cao chất lượng các cuộc đối thoại định kỳ giữa lãnh đạo Chính phủ, giữa cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp với hội viên, nông dân. Tăng cường tổ chức, nâng cao chất lượng các hội nghị, diễn đàn, đa dạng hình thức “Lắng nghe nông dân nói” phù hợp ở từng cấp. Kịp thời triển khai thực hiện kết luận sau các hội nghị đối thoại, diễn đàn.

Vận động hội viên, nông dân thực hiện tốt luật về phòng, chống tham nhũng, tố cáo, khiếu nại; tích cực tham gia giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, nhất là thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, thực hiện dân chủ ở cơ sở. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, hội viên nông dân trẻ để giới thiệu với cấp ủy kết nạp vào Đảng.

##### **2. Tăng cường tham gia xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc**

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền, các ngành chức năng cùng cấp thực hiện tiếp công dân, tham gia giải quyết khiếu nại, tố cáo, hòa giải mâu thuẫn trong nông thôn; giải quyết hoặc kiến nghị giải quyết khiếu nại, tố cáo, tham gia giải quyết những khó khăn, bức xúc của nông dân, giữ gìn đoàn kết trong nông dân, nông thôn, tạo đồng thuận xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Chủ động thực hiện hiệu quả chủ trương của Đảng, chỉ đạo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tham gia thực hiện tốt “3 phát huy”: (1) Phát huy vai trò nòng cốt trong lan tỏa phong trào thi đua sâu rộng trong toàn xã hội, (2) Phát huy vai trò chủ lực trong tổng hợp sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, (3) Phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân và tham gia giám sát các phong trào thi đua đi vào thực chất, hiệu quả. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, các hội cùng cấp chăm lo đời sống cho các gia đình chính sách, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, những hộ bị ảnh hưởng thiên tai.

Vận động hội viên, nông dân xây dựng các mô hình “tự quản - tự chủ - tự giám sát” ở cộng đồng dân cư; tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động, nhất là về xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, xây dựng đời sống văn hóa, xã hội số, “Tự hào là người Việt Nam”; thực hiện tốt “3 thi đua”: (1) Thi đua yêu nước, đoàn kết, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, (2) Thi đua học tập, lao động và cống hiến, (3) Thi đua đổi mới sáng tạo, tham gia xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

## **V- TÍCH CỰC THAM GIA BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH**

Tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên, nông dân về quốc phòng, an ninh; cảnh giác, phản bác các luận điệu xuyên tạc, âm mưu chống phá Đảng, Nhà nước. Tham gia thực hiện tốt chính sách “Hậu phương quân đội”, các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa. Vận động nông dân tham gia tuần tra bảo vệ đường biên, mốc giới, cung cấp thông tin, tố giác tội phạm; tham gia các đội tự quản an ninh trật tự, tổ hòa giải, câu lạc bộ phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; nhân rộng mô hình “Điểm sáng vùng biên”, “Tổ nông dân tự quản, tự phòng”.

Vận động, hỗ trợ hội viên, nông dân xây dựng, tham gia các mô hình phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh ở các vùng biên giới, các mô hình “Cụm tàu an toàn”, “Điểm hẹn ngư dân” ở vùng ven biển; vận động con em ngư dân học nghề khai thác hải sản chuyên nghiệp, tham gia phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo; tích cực tham gia phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

## **VI- CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP, ĐẨY MẠNH HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ ĐỐI NGOẠI NHÂN DÂN**

Phát huy vai trò Hội Nông dân Việt Nam là thành viên của các tổ chức nông dân khu vực và quốc tế, đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối hỗ trợ xuất khẩu nông sản, cung cấp thông tin về các cam kết quốc tế, chính sách và thị trường nhập khẩu của các nước cho nông dân; vận động, thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các tổ chức quốc tế cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; thực hiện đầy đủ các nội dung ghi nhớ hợp tác.

Tăng cường phối hợp với các tổ chức, đối tác quốc tế trong lĩnh vực chuyển giao khoa học công nghệ, bảo đảm an toàn thực phẩm; đẩy mạnh hoạt động giao lưu, hợp tác, hữu nghị giữa nông dân nước ta với nông dân các nước; chú trọng tham gia các hoạt động ngoại giao văn hoá ẩm thực, nông sản, quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa, con người Việt Nam đến bạn bè quốc tế. Tổ chức, tham gia các hội nghị, hội thảo, diễn đàn quốc tế; học tập, chia sẻ kinh nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn với các nước; phối hợp với các tổ chức quốc tế đào tạo nâng cao trình độ cho nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, cán bộ Hội.

\*            \*  
\*  
\*  
\*

Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ IX, nhiệm kỳ 2026-2031 khẳng định quyết tâm của toàn thể cán bộ, hội viên, nông dân cả nước, phát huy mạnh mẽ truyền thống yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, sức mạnh đoàn kết, tranh thủ thời cơ, thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ công tác Hội và phong trào nông dân trong 5 năm tới, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Nghị quyết Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ XI, cùng cả nước vững bước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, xây dựng nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư TW Đảng (để b/cáo);
- Đảng ủy MTTQ, CĐTTW;
- Các cơ quan, ban Đảng Trung ương;
- Ban Thường trực UBTW MTTQ Việt Nam;
- Các tỉnh ủy, thành ủy;
- Thường trực Trung ương Hội;
- Các đ/c ủy viên BCH Trung ương Hội;
- Hội Nông dân các tỉnh, thành phố;
- Các ban, đơn vị thuộc Trung ương Hội;
- Lưu VT.

**T/M BAN CHẤP HÀNH  
CHỦ TỊCH**



**Lương Quốc Đoàn**

## CHÚ THÍCH

- <sup>1</sup> Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; các Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024, Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025, Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025, Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 và Kết luận 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị.
- <sup>2</sup> Nghị quyết 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về “Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới”; Nghị quyết 69/NQ-CP ngày 11/5/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị; các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ gồm: Quyết định 182/QĐ-TTg ngày 20/02/2024 phê duyệt Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”, Quyết định 517/QĐ-TTg ngày 05/3/2025 phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng cán bộ Hội Nông dân các cấp, chi hội trường nông dân và nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân xuất sắc giai đoạn 2025-2030”; Quyết định 1081/QĐ-TTg ngày 05/6/2025 phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương”; Quyết định 110/QĐ-TTg ngày 16/01/2026 phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng giai đoạn 2026-2030”.
- <sup>3</sup> Năm 2024 kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản cả nước đạt 62,5 tỷ USD, năm 2025 đạt 70,09 tỷ USD, vượt xa mục tiêu đề ra.
- <sup>4</sup> Nông dân trong báo cáo được hiểu là lực lượng lao động trực tiếp (sản xuất, kinh doanh, sản xuất kết hợp với kinh doanh) trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản, lấy hoạt động này làm nguồn sinh kế chính; những người sản xuất, chế biến, kinh doanh các mặt hàng liên quan đến nông, lâm, ngư nghiệp, nghề truyền thống, tiểu thủ công nghiệp và lấy trồng trọt, chăn nuôi, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản làm nghề phụ.
- <sup>5</sup> Lũy kế đến tháng 12/2025, cả nước có khoảng 80% xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có khoảng 35% xã nông thôn mới nâng cao, 10% xã nông thôn mới kiểu mẫu; có 24 tỉnh, thành phố có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; có 12 tỉnh được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (tính theo số tỉnh trước khi sáp nhập).
- <sup>6</sup> Điển hình như năm 2024, Hội nghị được kết nối trực tuyến đến 63 điểm cầu Hội Nông dân cấp tỉnh; 588 điểm cầu cấp huyện và 4.255 điểm cầu cấp cơ sở với sự tham dự của 112.716 đại biểu là cán bộ Hội Nông dân các cấp và cán bộ chi, tổ hội Hội Nông dân.
- <sup>7</sup> Có 4.396.997 hội viên, nông dân cài đặt App Nông dân Việt Nam, tiêu biểu như tỉnh Thanh Hóa, Hải Phòng, Ninh Bình...
- <sup>8</sup> Thực hiện chủ trương của Đảng, chỉ đạo của Bộ Chính trị, cơ quan Trung ương Hội trải qua 2 lần sắp xếp, trong đó lần thứ nhất từ 15 đơn vị đầu mối trực thuộc giảm xuống còn 8 đơn vị (thực hiện Quyết định số 222-QĐ/TW ngày 28/12/2024 của Bộ Chính trị), lần thứ 2 sắp xếp trực thuộc Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội gồm có Thường trực Trung ương Hội, Ban Công tác Nông dân, Báo Nông thôn Ngày nay (thực hiện Quyết định số 304-QĐ/TW ngày 10/6/2025 của Bộ Chính trị). Ở địa phương, các cấp Hội thực hiện nghiêm túc việc sắp xếp tổ chức Hội theo chỉ đạo của các tỉnh, thành ủy.
- <sup>9</sup> Như Hội Nông dân tỉnh Hà Giang, Phú Thọ, An Giang, Lâm Đồng, Đồng Nai...

- <sup>10</sup> Đến hết năm 2025, cả nước có 5.979 Chi Hội Nông dân nghề nghiệp, 34.418 tổ Hội Nông dân nghề nghiệp.
- <sup>11</sup> Tổng số hội viên hiện có đến hết năm 2025 là 10.324.975 người.
- <sup>12</sup> Chương trình số 02-CTr/HNDTW ngày 08/3/2024; Chương trình số 04-CTr/HNDTW ngày 08/3/2024; Hướng dẫn số 97-HD/HNDTW ngày 23/7/2024, Hướng dẫn số 101-HD/HNDTW ngày 24/7/2024, Hướng dẫn số 109-HD/HNDTW ngày 23/7/2024, Hướng dẫn số 148-HD/HNDTW ngày 05/11/2024; Quyết định số 2103-QĐ/HNDTW ngày 03/11/2025; Kế hoạch số 265-KH/HNDTW ngày 19/01/2026...
- <sup>13</sup> Như HND các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên...; Trung ương Hội đã xây dựng “Chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ, vật tư phân bón trong sản xuất nông nghiệp”, đang triển khai Dự án “Mua sắm phần mềm và thiết bị phục vụ Hệ thống thông tin Chỉ số đánh giá chất lượng dịch vụ, vật tư đầu vào trong sản xuất nông nghiệp”.
- <sup>14</sup> Trung ương Hội đã tổ chức 9 đoàn kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết, Điều lệ, quy định của Hội; 3 đoàn giám sát về thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Ủy ban kiểm tra Trung ương Hội tiến hành kiểm tra, giám sát tại 7 tỉnh, thành Hội, giải quyết hồ sơ tố cáo của công dân đối với Hội Nông dân tỉnh Long An (cũ), tiếp nhận 04 đơn kiến nghị không đúng thẩm quyền, đã xử lý lưu đơn theo quy định. Các cấp Hội đã tổ chức 78.858 cuộc kiểm tra, giám sát hoạt động công tác Hội và phong trào nông dân, phát hiện và xử lý 9 vụ vi phạm.
- <sup>15</sup> Tổ chức Lễ kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam (14/10/1930-14/10/2025), Đại hội Thi đua yêu nước lần thứ VI và đón nhận danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước đối với Hội Nông dân giải phóng miền Trung - Tây Nguyên; Chương trình Tự hào Nông dân Việt Nam 2025, Lễ tôn vinh 95 Nông dân Việt Nam xuất sắc, Nhà khoa học của Nhà nông; trao Giải Báo chí toàn quốc về nông nghiệp nông dân nông thôn và thi viết tìm hiểu truyền thống 95 năm Hội Nông dân Việt Nam xây dựng và trưởng thành; tổ chức thành công Khối diễu hành Nông dân Việt Nam tham gia diễu binh, diễu hành trong Lễ kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và trưng bày tại triển lãm quốc gia “80 năm hành trình Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”.
- <sup>16</sup> Năm 2024 trao 19 Cờ thi đua, 1.315 bằng khen cho 526 tập thể và 789 cá nhân theo Cụm, khối; trao 01 Cờ thi đua của Chính phủ, 01 danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc; 02 Huân chương Lao động hạng Nhì và hạng Ba cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc. Năm 2025 tặng Kỷ niệm chương “Vì giai cấp nông dân Việt Nam” cho 2.354 cá nhân; hiệp y khen thưởng, trao tặng “Huân chương lao động” hạng Nhất, Nhì, Ba cho 11 cá nhân; Cờ thi đua của Chính phủ cho 01 tập thể; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 04 cá nhân; Bằng khen của BCH Trung ương Hội cho 50 cá nhân trong thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW. Hiệp y khen thưởng cho 10 tập thể, cá nhân thuộc Hội Nông dân các tỉnh, thành phố. Trình khen thưởng 10 Huân chương Lao động hạng Ba và 26 Bằng khen Thủ tướng Chính phủ; tặng bằng khen của BCH Trung ương Hội cho 34 tập thể và 212 cá nhân tại Đại hội thi đua yêu nước Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VI. Hội Nông dân các tỉnh, thành phố xét tặng hàng nghìn bằng khen, giấy khen, giấy chứng nhận và biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân.

- nhân có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào nông dân ở địa phương.
- 17 Như HND các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Cần Thơ, Quảng Trị...
  - 18 Trong 02 năm, Trung ương Hội đã tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức pháp luật cho 15.350 người về an toàn thực phẩm; 3.600 người về an toàn lao động; 11.700 người về an toàn giao thông.
  - 19 Năm 2024 vận động ủng hộ tặng quà, hỗ trợ làm nhà Đại đoàn kết cho hộ dân nghèo tỉnh Điện Biên trên 56 tỷ đồng (trong đó Trung ương Hội và 24 tỉnh, thành Hội trực tiếp vận động ủng hộ được 1,96 tỷ đồng; 39 tỉnh, thành Hội phối hợp vận động ủng hộ được 54,765 tỷ đồng). Tết Nguyên đán Ất Ty 2025, Trung ương Hội trao tặng 4.750 suất quà trị giá trên 3,2 tỷ đồng; Hội Nông dân các tỉnh/thành phố vận động tặng gần 190 nghìn suất quà trị giá trên 73,5 tỷ đồng.
  - 20 Năm 2024 hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho 13.432 hộ nghèo; năm 2025 xây dựng, sửa chữa 23.496 ngôi nhà cho hộ nghèo, gia đình có công với cách mạng.
  - 21 Năm 2024, Trung ương Hội đã vận động ủng hộ 4,13 tỷ đồng tiền mặt và hàng hóa thiết yếu, cây, con giống, vật tư nông nghiệp trị giá trên 10 tỷ đồng. Năm 2025 ủng hộ gần 200 triệu đồng thông qua Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam; vận động nguồn lực xã hội ủng hộ tiền mặt và hàng hóa thiết yếu, cây, con giống, vật tư nông nghiệp trị giá trên 5 tỷ đồng. Hội Nông dân tỉnh, thành phố tổ chức vận động, quyên góp, ủng hộ với số tiền hàng chục tỷ đồng chuyển về Ủy ban MTTQ các tỉnh/thành phố.
  - 22 Theo quy định tại Quyết định số 181-QĐ/HNDTW ngày 20/02/2024 của Ban Thường vụ Trung ương Hội (Thay thế Quy định số 944-QĐ/HNDTW ngày 04/9/2014 của Ban Thường vụ Trung ương Hội).
  - 23 Tiêu biểu như hộ Nguyễn Thị Biên (Thanh Hóa) doanh thu 150 tỷ đồng/năm; hộ Nguyễn Đức Mệnh (Hải Phòng) doanh thu 95 tỷ đồng/năm; hộ Nguyễn Minh Nhù (Vĩnh Long) lợi nhuận bình quân 20,5 tỷ đồng/năm...
  - 24 Như HND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Quảng Trị, Cần Thơ, Quảng Ngãi...
  - 25 Trong đó Trung ương Hội đã triển khai thực hiện 01 dự án chăn nuôi tại tỉnh Tuyên Quang, 01 dự án NTTS tại tỉnh Cà Mau, 02 dự án sản xuất liên kết chuỗi giá trị tại tỉnh Điện Biên, Thái Nguyên.
  - 26 Trung ương Hội hợp tác hỗ trợ thí điểm xây dựng, phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững tại tỉnh Quảng Ninh; HND tỉnh Sơn La hỗ trợ xây dựng các vùng nguyên liệu cây ăn quả; HND thành phố Hà Nội, Hải Phòng, tỉnh Bắc Ninh, Lâm Đồng... hỗ trợ xây dựng các vùng sản xuất rau an toàn tập trung.
  - 27 Trung ương Hội đã ban hành Hướng dẫn số 98-HD/HNDTW ngày 23/7/2024 về thành lập hợp tác xã nông nghiệp, Kế hoạch số 16-KH/HNDTW ngày 08/3/2024 về thực hiện Quyết định 182/QĐ-TTg; 100% Hội Nông dân tỉnh, thành phố đã xây dựng kế hoạch, có 36/63 đơn vị tham mưu cho UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch; ký các chương trình phối hợp với Liên minh Hợp tác xã Việt Nam về việc tham gia hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp.
  - 28 Trung ương Hội đã tổ chức 97 lớp tập huấn cho 14.658 cán bộ Hội, hội viên nông dân, cán bộ chủ chốt và thành viên hợp tác xã.
  - 29 Thông qua các lớp tập huấn, tổ chức các Diễn đàn về khởi nghiệp sáng tạo trong thời

- kỳ chuyển đổi số trong nông nghiệp; phối hợp với Quỹ Môi trường toàn cầu, Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc biên soạn và phát hành cẩm nang “Hướng dẫn nâng cao nhận thức về phát triển cộng đồng, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp và vai trò của Hội Nông dân trong triển khai chương trình OCOP”.
- <sup>30</sup> Có 145.100 sản phẩm nông sản được đưa lên sàn thương mại điện tử; hàng nghìn giao dịch được thực hiện.
- <sup>31</sup> Tiêu biểu là Hội Nông dân thành phố Hà Nội đã ký chương trình phối hợp với Hội Nông dân 36 tỉnh, thành phố giai đoạn 2024-2028...
- <sup>32</sup> Các doanh nghiệp như: Đạm Phú Mỹ, Phân bón Bình Điền, Tiến Nông, Quế Lâm...
- <sup>33</sup> Tiêu biểu như HND thành phố Đà Nẵng, tỉnh Lâm Đồng, Thanh Hóa, Bắc Ninh...
- <sup>34</sup> Máy bay không người lái (UAV), máy xới đất, máy cấy, máy gặt, máy ấp trứng...
- <sup>35</sup> Tiêu biểu là HND TP.Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, tỉnh Lâm Đồng...
- <sup>36</sup> Ở Trung ương là kế hoạch số 12-KH/ĐĐ-HNDVN ngày 09/9/2024 của Đảng đoàn Hội Nông dân Việt Nam.
- <sup>37</sup> Thực hiện Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân, Trung ương Hội đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1081/QĐ-TTg ngày 05/6/2025 phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương”. Các tỉnh/thành Hội tham mưu UBND tỉnh/thành phố phê duyệt Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh/thành phố, thực hiện chuyển Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp huyện về Hội Nông dân tỉnh/thành phố quản lý.
- <sup>38</sup> Trong đó quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương đạt 755,29 tỷ đồng, địa phương đạt 4.768,15 tỷ đồng.
- <sup>39</sup> Tổng dư nợ nguồn vốn quỹ trung ương đạt 563,161 tỷ đồng thông qua 1.106 dự án, cho 12.175 người vay; tổng dư nợ nguồn vốn quỹ địa phương đạt trên 4.500 tỷ đồng, cho 140.472 hộ vay thông qua 13.208 dự án.
- <sup>40</sup> Tổng dư nợ ủy thác của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là 77.972 tỷ đồng, cho 437.300 thành viên tại 23.810 Tổ vay vốn, nợ quá hạn chiếm tỷ lệ 0,36%; dư nợ ủy thác của Ngân hàng CSXH đạt 126.314 tỷ đồng, thông qua 48.147 Tổ TK&VV cho 1.947.863 hộ vay, nợ quá hạn 251 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,2%.
- <sup>41</sup> Nâng tổng số cả nước có 5.375 Câu lạc bộ.
- <sup>42</sup> Nâng tổng số cả nước có 444 Câu lạc bộ.
- <sup>43</sup> Trung ương Hội đã tổ chức các Hội thảo khoa học về “Cơ hội và thách thức đối với nông dân trong chuyển đổi số, xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp”, “Phát huy vai trò của Hội Nông dân Việt Nam trong tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nông dân sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng”.
- <sup>44</sup> Năm 2024 có 48/63 Hội Nông dân tỉnh/thành phố; năm 2025 có 6/34 Hội Nông dân tỉnh/thành phố phối hợp tổ chức.
- <sup>45</sup> Năm 2024 tổ chức 02 Diễn đàn Nông dân quốc gia với chủ đề “Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam - Bộ trưởng Bộ NN&PTNT lắng nghe nông dân nói”; Diễn đàn Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam - Bộ trưởng Bộ TN&MT lắng nghe nông dân nói với chủ đề

- “Khơi thông nguồn lực đất đai, hướng tới mục tiêu NetZero, bảo vệ môi trường nông thôn”. Năm 2025 tổ chức 02 diễn đàn: Diễn đàn Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam và Bộ trưởng Bộ Công Thương - Lắng nghe nông dân nói với chủ đề “Kết nối thị trường - Xây dựng thương hiệu - Thúc đẩy tiêu thụ nông sản, góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước 2 con số”; Diễn đàn “Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam - Bộ trưởng Bộ NN&MT lắng nghe nông dân nói năm 2025” với chủ đề “Đồng hành cùng nông dân bước vào kỷ nguyên mới”.
- <sup>46</sup> Riêng năm 2025, các cấp Hội đã tổ chức 1.527 cuộc giám sát xã hội, đồng thời tham gia 1.841 đoàn giám sát của Mặt trận Tổ quốc, Hội đồng nhân dân và các ngành ở địa phương; tổ chức 1.020 hội nghị phản biện xã hội, tham gia góp ý 8.572 dự thảo văn bản của Đảng, Nhà nước, bộ ngành và chính quyền địa phương đặc biệt, đã tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 2013 thu hút hơn 5,23 triệu lượt ý kiến.
- <sup>47</sup> Có 62 tập thể, 80 cá nhân là cán bộ, hội viên nông dân tiêu biểu được tặng Kỷ niệm chương và Bằng khen.
- <sup>48</sup> Các cơ quan của Liên Hợp Quốc, các tổ chức phi chính phủ như Tổ chức Oxfam, Ủy ban Y tế Hà Lan - Việt Nam; Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD), Hội Nông dân châu Á vì sự phát triển nông thôn bền vững (AFA), Tổ chức Phát triển nguồn nhân lực nông thôn châu Á (AsiaDHRRA)...
- <sup>49</sup> Trung ương Hội tổ chức 24 đoàn ra; đón tiếp 19 đoàn vào, tiếp 05 đoàn khách tại chỗ; ký biên bản ghi nhớ hợp tác với Mặt trận Lào Xây dựng Đất nước, Hội Tiểu nông Cuba; Tham dự Đại hội Hội Nông dân Châu Á vì sự phát triển nông thôn bền vững (AFA); diễn đàn nông dân châu Á Thái Bình Dương, Hội thảo tổng kết dự án ARISE các nước AFA... Phát động cán bộ, hội viên nông dân ủng hộ nhân dân Cuba nhân dịp kỷ niệm “65 năm nghĩa tình Việt Nam - Cuba”.
- <sup>50</sup> Năm 2024 tiếp tục triển khai 11 chương trình, dự án. Năm 2025 triển khai 9 chương trình, dự án do các tổ chức quốc tế tài trợ.
- <sup>51</sup> Mỗi năm tổ chức 03 hội thảo về tổng kết, đánh giá các chương trình hợp tác và tham gia các hoạt động song phương, đa phương.
- <sup>52</sup> Năm 2024 còn 15/63 Hội Nông dân tỉnh/thành phố chưa tham mưu tổ chức hội nghị đối thoại. Năm 2025 chỉ có 6/34 tỉnh/thành phố tổ chức.
- <sup>53</sup> Ngày 08/10/2024, Trung ương Hội có Công văn số 839-CV/HNDTW gửi HND các tỉnh/thành phố đôn đốc việc ban hành kế hoạch của HND tỉnh/thành phố, phối hợp tham mưu UBND tỉnh/thành phố ban hành kế hoạch thực hiện Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 20/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ. Đến hết năm 2025 vẫn còn 5 tỉnh/thành phố chưa phê duyệt Đề án kiện toàn Quỹ Hỗ trợ Nông dân.
- <sup>54</sup> Như báo số 3 năm 2024, các cơn bão số 10, 11 năm 2025.
- <sup>55</sup> Tổ chức bộ máy không có cơ quan ở cấp Trung ương, cấp tỉnh; không còn đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tư vấn, dịch vụ, hỗ trợ nông dân (Trung tâm Hỗ trợ nông dân); chưa rõ vị trí của Quỹ Hỗ trợ Nông dân Trung ương trong cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

-----

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CÔNG TÁC HỘI VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN TỪ ĐẠI HỘI VIII ĐẾN NAY (1)



ST T	Tỉnh/thành phố	Tuyên truyền, phổ biến cho hội viên (lượt hội viên)			Số hội viên mới được kết nạp (hội viên)			Xây dựng tổ Hội Nông dân nghề nghiệp (tổ Hội)			Xây dựng chi Hội Nông dân nghề nghiệp (chi Hội)			Cơ sở Hội hoàn thành tốt nhiệm vụ (cơ sở Hội)		
		Mục tiêu đề ra	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Mục tiêu đề ra	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Mục tiêu đề ra	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Mục tiêu đề ra	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Mục tiêu đề ra	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	Tuyên Quang	461.688	868.112	188,0	7.400	7.319	98,9	308	308	100,0	45	46	102,2	124	124	100
2	Cao Bằng	293.836	495.437	168,6	2.000	2.383	119,2	161	91	56,5	40	35	87,5	56	56	100
3	Lai Châu	140.036	139.681	99,7	2.300	2.726	118,5	30	19	63,3	7	8	114,3	38	38	100
4	Lào Cai	425.373	531.775	125,0	7.400	8.832	119,4	300	312	104,0	38	85	223,7	99	99	100
5	Thái Nguyên	422.275	583.702	138,2	7.950	9.143	115,0	290	306	105,5	40	46	115,0	92	92	100
6	Điện Biên	338.137	341.428	101,0	2.050	3.598	175,5	75	92	122,7	25	31	124,0	45	45	100
7	Sơn La	342.378	343.975	100,5	4.000	4.050	101,3	126	72	57,1	25	31	124,0	74	74	100
8	Phú Thọ	966.099	1.603.842	166,0	10.100	12.734	126,1	354	400	113,0	57	98	171,9	148	148	100
9	Bắc Ninh	847.765	937.041	110,5	6.700	7.753	115,7	346	448	129,5	35	69	197,1	99	99	100
10	Lạng Sơn	224.761	325.788	144,9	4.000	4.347	108,7	201	168	83,6	22	32	145,5	65	65	100
11	Hà Nội	910.105	902.952	99,2	16.500	17.357	105,2	410	723	176,3	30	137	456,7	79	79	100
12	Hưng Yên	1.108.679	1.089.193	98,2	17.000	16.507	97,1	292	91	31,2	25	11	44,0	104	104	100
13	Hải Phòng	1.195.816	1.422.609	119,0	11.200	20.876	186,4	313	247	78,9	35	97	277,1	107	107	100
14	Quảng Ninh	198.855	211.934	106,6	3.330	3.914	117,5	99	90	90,9	16	29	181,3	50	50	100
15	Ninh Bình	1.227.328	1.393.288	113,5	14.100	15.475	109,8	314	384	122,3	64	73	114,1	129	129	100
16	Thanh Hóa	1.011.092	990.980	98,0	14.700	15.122	102,9	444	506	114,0	51	73	143,1	166	166	100
17	Nghệ An	984.045	935.829	95,1	20.000	21.509	107,5	330	259	78,5	34	31	91,2	130	130	100
18	Hà Tĩnh	535.920	789.883	147,4	7.000	6.976	99,7	264	287	108,7	24	25	104,2	69	69	100
19	Quảng Trị	490.170	487.918	99,5	6.350	7.579	119,4	257	145	56,4	26	35	134,6	77	77	100
20	Huế	177.179	177.918	100,4	4.000	4.737	118,4	45	64	142,2	6	13	216,7	39	39	100
21	Đà Nẵng	492.049	569.741	115,8	9.000	13.891	154,3	456	734	161,0	29	74	255,2	93	93	100
22	Quảng Ngãi	438.870	729.277	166,2	17.500	19.012	108,6	175	247	141,1	37	60	162,2	96	96	100
23	Gia Lai	802.734	822.196	102,4	19.000	17.311	91,1	387	437	112,9	30	84	280,0	135	135	100
24	Đắk Lắk	630.138	625.089	99,2	16.000	19.811	123,8	239	284	118,8	29	63	217,2	102	102	100
25	Khánh Hòa	323.557	313.643	96,9	12.000	10.626	88,6	308	343	111,4	28	29	103,6	48	48	100
26	Lâm Đồng	585.596	778.008	132,9	17.000	19.002	111,8	412	634	153,9	50	200	400,0	124	124	100
27	Đồng Nai	404.899	606.406	149,8	10.500	13.036	124,2	162	244	150,6	63	96	152,4	94	94	100
28	Tây Ninh	637.092	535.131	84,0	8.400	9.704	115,5	355	557	156,9	45	123	273,3	95	95	100
29	TP HCM	328.184	371.345	113,2	8.000	10.731	134,1	255	363	142,4	58	76	131,0	76	76	100
30	Đồng Tháp	870.062	902.952	103,8	19.000	26.750	140,8	300	399	133,0	29	106	365,5	102	102	100
31	An Giang	584.059	828.839	141,9	41.600	50.597	121,6	330	595	180,3	37	119	321,6	102	102	100
32	Vĩnh Long	808.241	933.541	115,5	16.700	22.987	137,6	750	1.014	135,2	100	179	179,0	124	124	100
33	Cần Thơ	676.735	891.391	131,7	24.200	30.587	126,4	394	390	99,0	49	156	318,4	100	100	100
34	Cà Mau	353.581	421.678	119,3	18.400	17.280	93,9	556	455	81,8	44	49	111,4	64	64	100
<b>TỔNG</b>		<b>20.237.334</b>	<b>23.902.522</b>	<b>118,1</b>	<b>405.380</b>	<b>474.262</b>	<b>117,0</b>	<b>10.038</b>	<b>11.708</b>	<b>116,6</b>	<b>1.273</b>	<b>2.419</b>	<b>190,0</b>	<b>3.145</b>	<b>3.145</b>	<b>100</b>

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CÔNG TÁC HỘI VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN TỪ ĐẠI HỘI VIII ĐẾN NAY (2)**



ST T	Tỉnh/thành phố	Chi Hội đảm bảo Quỹ hoạt động Hội			Cán bộ Hội chuyên trách và chi Hội trưởng được trang bị kiến thức (người)			Bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cho nông dân xuất sắc, sản xuất kinh doanh giỏi (người)			Tăng trưởng quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp (tỷ đồng)			Hỗ trợ hộ nông dân có tài khoản trên sàn thương mại điện tử (hộ)		
		Mục tiêu đề ra	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Mục tiêu đề ra	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Mục tiêu đề ra	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Mục tiêu đề ra	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Mục tiêu đề ra	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	Tuyên Quang	3.733	3.733	100,0	2.250	5.367	238,5	3.000	18.850	628,3	15,836	7,782	49,1	13.948	17.560	125,9
2	Cao Bằng	1.454	1.455	100,0	1.750	2.889	165,1	1.700	1.954	114,9	11,400	8,519	74,7	4.085	4.376	107,1
3	Lai Châu	950	950	100,0	1.160	2.007	173,0	600	918	153,0	6,574	0,281	4,3	3.153	3.714	117,8
4	Lào Cai	2.749	2.749	100,0	3.400	8.083	237,7	1.760	10.175	578,1	20,756	15,710	75,7	10.071	11.558	114,8
5	Thái Nguyên	3.367	3.370	100,1	2.250	6.663	296,1	3.200	6.695	209,2	17,474	19,256	110,2	9.442	21.444	227,1
6	Điện Biên	1.447	1.447	100,0	1.520	2.428	159,7	890	1.237	139,0	9,661	1,080	11,2	4.212	5.249	124,6
7	Sơn La	2.198	2.198	100,0	4.000	6.735	168,4	2.000	2.479	124,0	11,754	11,579	98,5	6.803	6.352	93,4
8	Phú Thọ	4.831	4.831	100,0	8.132	11.064	136,1	9.810	16.211	165,2	23,970	27,498	114,7	22.257	21.971	98,7
9	Bắc Ninh	2.724	2.724	100,0	5.504	6.198	112,6	4.500	4.177	92,8	23,198	35,720	154,0	17.506	20.449	116,8
10	Lạng Sơn	1.627	1.647	101,2	3.000	4.983	166,1	2.000	2.689	134,5	9,146	12,203	133,4	5.006	4.453	89,0
11	Hà Nội	2.321	2.321	100,0	5.000	6.019	120,4	2.000	2.368	118,4	46,980	112,263	239,0	15.274	17.785	116,4
12	Hưng Yên	2.349	2.449	104,2	2.630	7.059	268,4	3.900	4.976	127,6	24,102	12,600	52,3	21.371	7.593	35,5
13	Hải Phòng	2.730	2.730	100,0	6.125	14.281	233,2	3.450	6.116	177,3	27,385	44,980	164,3	26.659	19.235	72,2
14	Quảng Ninh	1.189	1.215	102,1	3.689	5.876	159,3	2.125	3.187	150,0	14,874	25,791	173,4	4.508	10.134	224,8
15	Ninh Bình	4.245	4.245	100,0	11.444	9.695	84,7	5.800	17.762	306,2	29,145	23,300	79,9	33.474	40.672	121,5
16	Thanh Hóa	4.255	4.255	100,0	2.270	6.140	270,5	2.200	4.480	203,6	9,268	4,477	48,3	22.635	31.274	138,2
17	Nghệ An	3.652	3.659	100,2	6.500	11.346	174,6	1.800	2.160	120,0	15,800	15,906	100,7	13.757	15.829	115,1
18	Hà Tĩnh	1.896	1.896	100,0	5.000	6.337	126,7	2.200	1.863	84,7	8,366	16,124	192,7	12.502	20.571	164,5
19	Quảng Trị	1.987	1.987	100,0	2.200	3.095	140,7	3.700	4.870	131,6	21,444	36,870	171,9	11.765	8.670	73,7
20	Huế	964	964	100,0	1.970	2.498	126,8	2.100	2.720	129,5	6,167	5,530	89,7	4.360	4.890	112,2
21	Đà Nẵng	1.930	1.953	101,2	3.171	5.422	171,0	1.900	3.281	172,7	25,371	33,152	130,7	10.601	12.827	121,0
22	Quảng Ngãi	1.659	1.675	101,0	3.613	6.175	170,9	3.330	4.973	149,3	17,004	10,990	64,6	8.164	8.116	99,4
23	Gia Lai	2.600	2.600	100,0	3.000	6.558	218,6	3.900	5.240	134,4	13,768	19,355	140,6	13.220	11.594	87,7
24	Đắk Lắk	2.775	2.775	100,0	3.700	5.810	157,0	4.000	5.662	141,6	13,207	13,982	105,9	13.664	15.314	112,1
25	Khánh Hòa	1.110	1.110	100,0	2.320	2.731	117,7	1.900	2.727	143,5	26,423	22,907	86,7	7.363	7.942	107,9
26	Lâm Đồng	3.077	3.166	102,9	5.100	8.399	164,7	5.100	8.384	164,4	29,187	22,841	78,3	16.661	15.602	93,6
27	Đông Nai	1.671	1.684	100,8	2.907	6.950	239,1	4.000	7.363	184,1	35,467	44,989	126,8	7.731	36.837	476,5
28	Tây Ninh	1.379	1.418	102,8	2.970	3.824	128,8	5.500	7.558	137,4	28,266	35,971	127,3	12.880	14.237	110,5
29	TP HCM	1.888	1.888	100,0	6.500	10.115	155,6	4.250	6.318	148,7	45,234	136,061	300,8	6.824	8.295	121,6
30	Đồng Tháp	1.624	1.631	100,4	6.937	5.497	79,2	3.870	10.029	259,1	26,601	21,240	79,8	19.579	23.383	119,4
31	An Giang	1.750	1.750	100,0	4.450	5.229	117,5	2.700	5.466	202,4	18,871	22,787	120,8	13.435	20.638	153,6
32	Vĩnh Long	2.465	2.725	110,5	5.000	5.924	118,5	7.100	10.320	145,4	23,588	25,308	107,3	24.938	69.649	279,3
33	Cần Thơ	1.739	1.739	100,0	5.250	7.205	137,2	4.210	5.101	121,2	30,419	43,030	141,5	15.688	22.777	145,2
34	Cà Mau	1.369	1.377	100,5	2.355	5.612	238,3	3.800	5.557	146,2	23,920	14,201	59,4	8.260	46.396	561,7
<b>TỔNG</b>		<b>77.697</b>	<b>78.308</b>	<b>100,8</b>	<b>137.067</b>	<b>214.214</b>	<b>156,3</b>	<b>114.295</b>	<b>203.866</b>	<b>178,4</b>	<b>710.626</b>	<b>904.283</b>	<b>127,3</b>	<b>441.796</b>	<b>607.386</b>	<b>137,5</b>

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CÔNG TÁC HỘI VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN TỪ ĐẠI HỘI VIII ĐẾN NAY (3)**

ST T	Tỉnh/thành phố	Số hộ nông dân đăng ký đạt danh hiệu SXKD giỏi các cấp bình quân hằng năm (hộ)			Số hộ nông dân đạt danh hiệu SXKD giỏi các cấp bình quân hằng năm (hộ)			Hội viên nông dân tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã (hội viên)			Hỗ trợ thành lập mới tổ hợp tác nông nghiệp (tổ hợp tác)			Hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã nông nghiệp (hợp tác xã)		
		Mục tiêu đề ra	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Mục tiêu đề ra	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Mục tiêu đề ra	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Mục tiêu đề ra	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Mục tiêu đề ra	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	Tuyên Quang	74.685	111.424	149,2	37.343	41.944	112,3	11.238	13.400	119,2	31	113	364,5	10	13	130,0
2	Cao Bằng	22.611	28.031	124,0	11.305	14.496	128,2	17.587	19.544	111,1	75	135	180,0	5	16	320,0
3	Lai Châu	13.305	16.831	126,5	5.777	6.428	111,3	2.869	3.540	123,4	11	84	763,6	2	4	200,0
4	Lào Cai	99.478	110.004	110,6	49.739	48.609	97,7	32.923	35.109	106,6	22	165	750,0	44	45	102,3
5	Thái Nguyên	95.055	102.486	107,8	47.528	55.350	116,5	22.980	32.378	140,9	35	65	185,7	16	75	468,8
6	Điện Biên	6.727	7.253	107,8	3.364	3.552	105,6	2.093	4.548	217,3	4	12	300,0	4	24	600,0
7	Sơn La	50.831	33.362	65,6	25.407	22.284	87,7	57.475	46.842	81,5	116	85	73,3	13	30	230,8
8	Phú Thọ	253.407	288.445	113,8	126.704	183.852	145,1	33.062	48.571	146,9	99	197	199,0	23	43	187,0
9	Bắc Ninh	282.594	303.194	107,3	141.297	174.762	123,7	12.818	13.438	104,8	23	62	269,6	10	30	300,0
10	Lạng Sơn	17.111	18.461	107,9	8.555	13.362	156,2	19.025	17.982	94,5	66	70	106,1	11	37	336,4
11	Hà Nội	254.156	254.985	100,3	127.078	145.605	114,6	106.980	112.905	105,5	265	531	200,4	12	40	333,3
12	Hung Yên	364.484	292.233	80,2	182.242	200.686	110,1	16.643	8.539	51,3	55	50	90,9	6	8	133,3
13	Hải Phòng	247.404	250.118	101,1	123.702	152.338	123,1	60.647	118.025	194,6	60	138	230,0	7	13	185,7
14	Quảng Ninh	43.500	62.971	144,8	21.750	31.800	146,2	6.810	13.679	200,9	7	23	328,6	8	24	300,0
15	Ninh Bình	384.241	440.505	114,6	192.177	202.159	105,2	12.319	12.454	101,1	26	62	238,5	17	33	194,1
16	Thanh Hóa	269.556	274.861	102,0	134.778	129.288	95,9	27.899	30.408	109,0	109	581	533,0	11	37	336,4
17	Nghệ An	245.399	277.083	112,9	122.699	142.842	116,4	14.763	24.720	167,4	26	68	261,5	5	11	220,0
18	Hà Tĩnh	143.884	150.140	104,3	71.942	85.079	118,3	38.834	39.470	101,6	86	91	105,8	10	12	120,0
19	Quảng Trị	148.289	157.807	106,4	74.144	83.175	112,2	5.576	3.450	61,9	30	62	206,7	10	19	190,0
20	Huế	45.203	46.732	103,4	22.601	22.754	100,7	7.810	12.926	165,5	17	29	170,6	3	6	200,0
21	Đà Nẵng	102.982	134.466	130,6	51.478	60.271	117,1	17.892	19.749	110,4	40	92	230,0	7	17	242,9
22	Quảng Ngãi	149.830	159.311	106,3	74.915	105.282	140,5	32.488	33.644	103,6	51	72	141,2	15	18	120,0
23	Gia Lai	216.689	202.562	93,5	108.345	120.744	111,4	16.106	31.479	195,4	26	193	742,3	10	31	310,0
24	Đắk Lắk	236.007	247.178	104,7	117.995	133.512	113,2	10.137	24.949	246,1	18	53	294,4	7	36	514,3
25	Khánh Hòa	120.958	124.578	103,0	60.479	69.303	114,6	12.918	19.104	147,9	22	45	204,5	15	25	166,7
26	Lâm Đồng	241.635	279.816	115,8	102.962	147.458	143,2	49.440	62.708	126,8	88	155	176,1	33	58	175,8
27	Đồng Nai	123.193	135.694	110,1	61.596	72.876	118,3	28.225	55.580	196,9	52	108	207,7	20	41	205,0
28	Tây Ninh	206.725	217.703	105,3	103.363	120.155	116,2	24.460	53.198	217,5	50	348	696,0	9	31	344,4
29	TP HCM	97.118	97.003	99,9	48.559	59.909	123,4	32.828	41.869	127,5	69	203	294,2	15	44	293,3
30	Đồng Tháp	238.691	228.055	95,5	119.346	232.096	194,5	12.732	73.283	575,6	23	106	460,9	9	16	177,8
31	An Giang	215.752	237.292	110,0	107.876	123.897	114,9	51.909	57.409	110,6	152	268	176,3	12	26	216,7
32	Vĩnh Long	286.482	317.223	110,7	143.241	200.849	140,2	60.694	81.816	134,8	146	557	381,5	22	69	313,6
33	Cần Thơ	290.422	300.057	103,3	145.361	178.934	123,1	50.550	67.974	134,5	95	250	263,2	20	40	200,0
34	Cà Mau	189.115	595.640	315,0	94.558	95.471	101,0	15.070	31.585	209,6	28	152	542,9	6	56	933,3
<b>TỔNG</b>		<b>5.777.510</b>	<b>6.503.496</b>	<b>112,6</b>	<b>2.870.198</b>	<b>3.481.112</b>	<b>121,3</b>	<b>925.800</b>	<b>1.266.275</b>	<b>136,8</b>	<b>2.023</b>	<b>5.225</b>	<b>258,3</b>	<b>427</b>	<b>1.028</b>	<b>240,7</b>

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CÔNG TÁC HỘI VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN TỰ ĐẠI HỘI VIII ĐẾN NAY (4)**

ST T	Tỉnh/thành phố	Trực tiếp, phối hợp đào tạo, bồi dưỡng nghề cho hội viên nông dân và lao động nông thôn (người)			Hội viên, nông dân tham gia bảo hiểm y tế (hội viên)			Hội viên, nông dân tham gia BHXH tự nguyện (hội viên)			Hộ nông dân sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản cam kết đảm bảo ATTP bình quân hằng năm (hộ)			Xây dựng mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH			Hội viên nông dân cài đặt, kích hoạt và sử dụng Nền tảng số Nông dân Việt Nam (hội viên)		
		Mục tiêu đề ra	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Mục tiêu đề ra	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Mục tiêu đề ra	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Mục tiêu đề ra	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Mục tiêu đề ra	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Mục tiêu đề ra	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	Tuyên Quang	12.800	9.952	77,8	450.016	440.932	98,0	2.437	2.168	89,0	201.000	182.025	90,6	135	262	194,1	57.915	59.384	102,5
2	Cao Bằng	6.400	9.526	148,8	181.485	185.404	102,2	1.072	2.694	251,3	86.500	88.483	102,3	50	98	196,0	23.459	32.743	139,6
3	Lai Châu	4.700	6.805	144,8	133.518	136.874	102,5	467	719	154,0	64.260	67.827	105,6	45	50	111,1	17.472	23.288	133,3
4	Lào Cai	7.750	12.132	156,5	431.895	443.807	102,8	1.976	5.012	253,6	195.500	210.938	107,9	105	183	174,3	56.344	83.792	148,7
5	Thái Nguyên	6.250	9.160	146,6	417.792	407.938	97,6	2.366	10.994	464,7	192.850	196.533	101,9	115	365	317,4	61.152	127.581	208,6
6	Điện Biên	9.600	10.731	111,8	166.852	173.860	104,2	974	1.573	161,5	76.500	82.528	107,9	60	174	290,0	21.284	38.074	178,9
7	Sơn La	2.500	3.154	126,2	328.423	332.894	101,4	1.758	1.979	112,6	130.000	114.000	87,7	70	261	372,9	42.782	32.370	75,7
8	Phú Thọ	20.035	24.347	121,5	932.017	776.621	83,3	4.398	28.527	648,6	427.250	429.067	100,4	170	575	338,2	138.763	200.844	144,7
9	Bắc Ninh	10.300	10.572	102,6	816.253	827.131	101,3	3.803	4.507	118,5	362.500	385.251	106,3	105	258	245,7	128.330	192.656	150,1
10	Lạng Sơn	5.600	6.412	114,5	217.639	214.624	98,6	1.149	10.054	875,0	77.157	80.285	104,1	60	259	431,7	28.190	666	2,4
11	Hà Nội	17.500	18.203	104,0	887.526	809.380	91,2	4.736	6.313	133,3	360.000	360.139	100,0	145	709	489,0	231.160	229.835	99,4
12	Hưng Yên	23.400	19.211	82,1	948.068	570.838	60,2	5.073	40.707	802,4	449.500	144.158	32,1	90	433	481,1	153.504	218.883	142,6
13	Hải Phòng	25.408	18.465	72,7	1.116.370	1.078.237	96,6	4.624	5.548	120,0	296.500	239.734	80,9	165	666	403,6	213.902	262.777	122,8
14	Quảng Ninh	2.900	3.550	122,4	193.712	196.168	101,3	1.053	3.016	286,4	67.500	83.167	123,2	45	72	160,0	29.807	42.033	141,0
15	Ninh Bình	40.200	72.917	181,4	1.189.612	1.204.546	101,3	9.316	14.035	150,7	480.338	511.384	106,5	195	445	228,2	179.199	256.494	143,1
16	Thanh Hóa	26.800	27.991	104,4	964.715	979.966	101,6	5.080	6.526	128,5	255.000	261.661	102,6	115	672	584,3	150.328	378.293	251,6
17	Nghệ An	12.500	14.955	119,6	953.642	1.097.035	115,0	5.633	8.755	155,4	333.675	412.468	123,6	95	502	528,4	145.214	161.393	111,1
18	Hà Tĩnh	1.600	2.423	151,4	458.495	430.019	93,8	3.813	7.584	198,9	195.000	200.352	102,7	80	333	416,3	6.778	107.067	1579,6
19	Quảng Trị	11.500	11.157	97,0	492.707	477.980	97,0	2.875	5.838	203,1	186.506	182.181	97,7	110	247	224,5	74.451	79.977	107,4
20	Huế	5.500	5.711	103,8	158.708	161.471	101,7	944	2.170	229,9	76.500	77.661	101,5	75	138	184,0	29.428	35.505	120,7
21	Đà Nẵng	9.200	11.842	128,7	499.992	506.133	101,2	2.697	3.097	114,8	176.332	188.896	107,1	115	197	171,3	85.408	120.729	141,4
22	Quảng Ngãi	7.800	8.119	104,1	428.206	414.876	96,9	1.849	2.450	132,5	208.500	188.050	90,2	140	332	237,1	62.323	66.621	106,9
23	Gia Lai	20.300	19.327	95,2	785.304	755.331	96,2	4.140	7.158	172,9	355.077	289.252	81,5	120	230	191,7	112.536	145.934	129,7
24	Đắk Lắk	15.900	18.722	117,7	627.577	488.508	77,8	3.277	4.855	148,2	288.445	299.614	103,9	110	345	313,6	85.183	114.406	134,3
25	Khánh Hòa	9.300	10.663	114,7	323.049	441.343	136,6	1.782	1.735	97,4	139.500	135.850	97,4	120	123	102,5	49.067	68.456	139,5
26	Lâm Đồng	20.900	23.120	110,6	742.211	691.985	93,2	4.162	6.987	167,9	341.480	328.300	96,1	180	364	202,2	100.367	132.218	131,7
27	Đồng Nai	9.900	12.164	122,9	361.177	381.369	105,6	2.591	4.253	164,1	176.255	183.541	104,1	125	303	242,4	63.869	95.413	149,4
28	Tây Ninh	15.100	14.101	93,4	556.219	565.784	101,7	3.477	5.318	152,9	246.000	265.937	108,1	105	535	509,5	86.128	121.093	140,6
29	TP HCM	9.000	9.380	104,2	323.661	308.878	95,4	1.747	2.431	139,2	101.805	101.191	99,4	212	345	162,7	59.794	90.500	151,4
30	Đồng Tháp	25.700	33.202	129,2	833.796	784.595	94,1	10.064	21.984	218,4	355.850	366.123	102,9	125	402	321,6	132.018	241.805	183,2
31	An Giang	16.100	16.797	104,3	562.814	539.548	95,9	3.096	5.237	169,2	198.000	205.188	103,6	115	274	238,3	88.218	127.091	144,1
32	Vĩnh Long	20.500	20.774	101,3	771.743	783.703	101,5	4.088	8.213	200,9	356.500	382.901	107,4	190	539	283,7	120.672	238.002	197,2
33	Cần Thơ	18.900	25.760	136,3	635.817	646.841	101,7	3.373	6.974	206,8	307.278	308.825	100,5	155	195	125,8	117.339	197.656	168,4
34	Cà Mau	11.100	16.993	153,1	355.805	332.340	93,4	1.871	7.574	404,8	189.851	141.152	74,3	90	239	265,6	55.075	73.418	133,3
<b>TỔNG</b>		<b>462.943</b>	<b>538.338</b>	<b>116,3</b>	<b>19.246.816</b>	<b>18.586.959</b>	<b>96,6</b>	<b>111.761</b>	<b>256.985</b>	<b>229,9</b>	<b>7.954.906</b>	<b>7.694.654</b>	<b>96,7</b>	<b>3.932</b>	<b>11.125</b>	<b>282,9</b>	<b>3.007.459</b>	<b>4.396.997</b>	<b>146,2</b>